ANNAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY 1er và 16

NĂM NHÂM-THÂN SỐ 43

NGÀY 1er JUIN 1932

10/81

DÉPOT LÉGAL INDOCHINE N° A 2/9

DÉPOT LÉGAL RÉSIDENCE SUPÉRIEURE

Dépot légal
Hanoi le 21 Juin 1932

安南雜誌

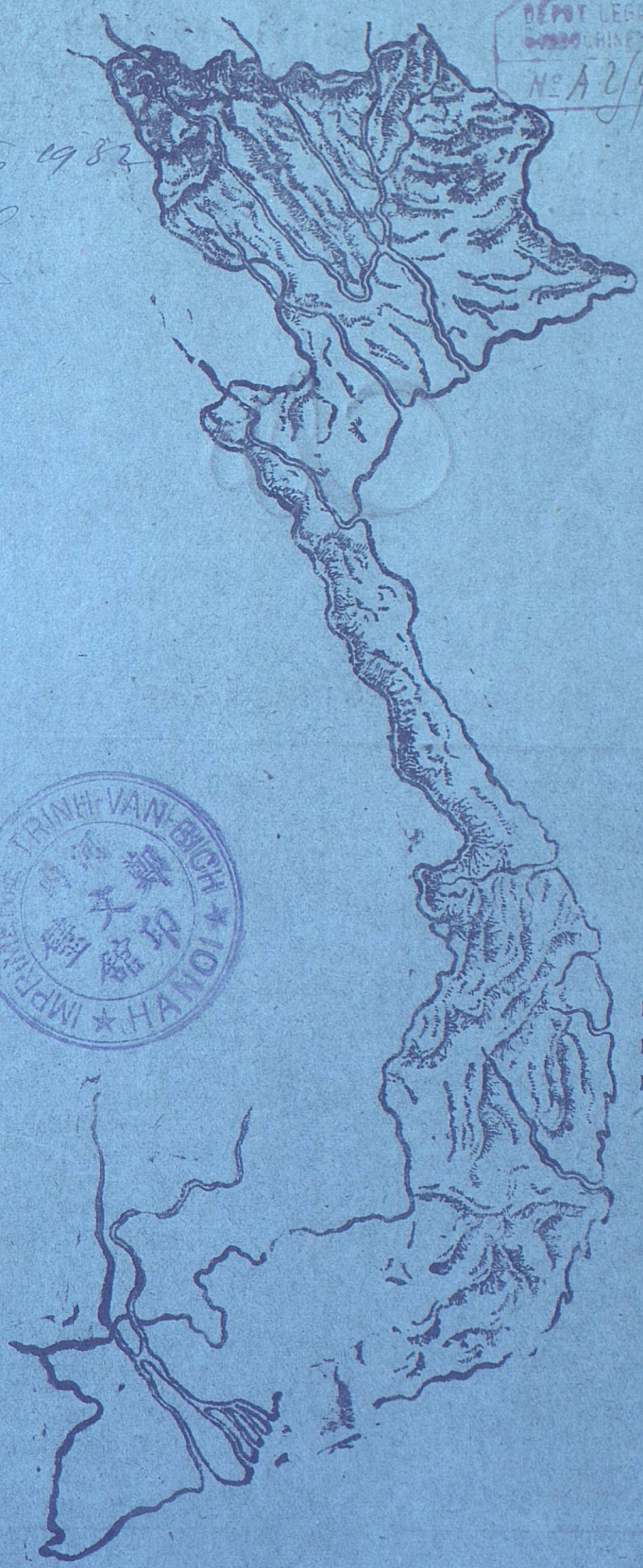

Directeur :
NGUYÊN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm .	5$00	7$00
Nửa năm .	2,60	3,80
Một số . .	0,10	0,15

Tòa báo : 72, Phò hàng Khoai - Hanoi

119

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) cập nhật Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Dự-cáo

Bản-chí từ khi xuất bản ở hàng Khoai, nhờ được cảm-tình của Xã-hội, nhẽ ra đến nay tiến-hành hơn lắm là phải. Song mà thực cũng chưa lấy gì làm thỏa ý Độc-giả, vì cũng còn có một đôi sự khó-khăn riêng.

Là vì:

Các Đại-lý của Bản-chí cũng có mấy nơi từ số 25 tới nay chửa trả về đồng tiền nào;

Các bạn Độc-giả cũng có nhiều ngài vì nhẽ riêng chưa trả tiền.

Từ kỳ sau, Bản-chí xin sẽ tường kê, để mong các Ngài cùng địa-phương sẵn lòng yêu Bản-chí, xin lấy danh-nghĩa thương-thuyết với các nhà Đại-lý ấy trả tiền về cho, Bản-chí sẽ được tiến-hành hơn và sẽ được cảm ơn các Ngài lắm lắm.

NAY DỰ CÁO

A. N. T. C.

Từ nay, hai kỳ chính sẽ ra ngày 1er và ngày 16, hai kỳ phụ sẽ ra ngày 8 và 23

THUỐC TRỊ BỆNH

Tê, Bại, Phong, Thấp và đau rức gân cốt rất tài!

Thuốc này của nhà Danh-y Trung-hoa phát minh ra, là một phương thuốc rất hay để giúp người đời vậy. Không những uống vào thấy công hiệu ngay và lại được khỏi tiệt nọc nữa.

Chuyên trị các chứng mỏi nhức, gân cốt buốt đau, sưng chân phù tay, đau lưng mỏi vai, mặt mũi nặng nề, chân tay co rụt, thịt tê da buồn, cấu véo chẳng đau, sếch mặt méo mồm nhời nói ngọng nghịu, tả tê hữu bại và bán thân bất toại v. v. Nhất là đàn-bà sau khi sinh nở được thuốc này thì sẽ tránh khỏi các chứng tê, bại.

Mỗi lọ giá 1p.50 nửa tá (6 lọ) giá 7p.50

Bán tại **NGŨ-TINH DƯỢC-PHÒNG**

114 Hàng-Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin viết thơ về kể bệnh cần mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất là nhanh chóng.

THỨ THUỐC TRỪ TẬT BỆNH

Thêm sức-lực, cho các bạn

Thanh Niên!!!

Nguyên ở Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG 127, hàng Bông — Hanoi, mới sáng chế ra phương thuốc này, đã được các bọn Thanh-Niên xa gần hoan nghênh công nhận là một thứ thuốc rất hay; ít có xưa nay vậy. Chuyên môn bồi sức lực, bổ tinh thần. Thống trị các chứng di-tinh mộng-tinh, loãng-khí, khí-lạnh, hư-trọc, hoạt-tinh, tinh-khí bất cố, dương-sự bất cử, chóng mặt rức đầu, hoa mắt ù tai, đau lưng mỏi vai, buồn bã tay chân, giật mày gân thịt, tiểu tiện lúc trắng lúc vàng, đại-tiện khi táo khi nát. Hoặc người bị bệnh Phong-tình chưa khỏi tiệt nọc, đến khi mệt nhọc, và ăn uống phải đồ nhiệt độc, thời dầu dương-vật hay rớt tinh ra như rãi-gà, như rựa-chuối, với thường theo lẫn nước tiểu ra như sợi-chỉ, như cặn nước-gạo, có khi yếu quá lại sinh chứng Liên-chụy (sa-dí) nữa, dùng thuốc này lập tức lành mạnh.

Mỗi hộp 1p.00 nửa tá 5p.00

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về, kể rõ bệnh tình, xin gửi cách lĩnh-hóa giao-ngân rất nhanh chóng và cẩn thận.

TA NÊN HIỂU NGHĨA CHỮ ĐẠO-ĐỨC MỚI

Cái quan-niệm của người đời đối với đạo-đức, ngày nay đã mỏng-manh gần đến cực-điểm. Tình-hình sinh-hoạt, một ngày một thấy dan-nan, người trung-hậu chân-thật thường bị thất-bại, mà những kẻ ranh-mãnh giảo-quyệt, lại riêng được số-phận để dành cho phần tháng-lợi. Bởi vậy, nền đạo-đức mấy nghìn năm truyền lại, đối với thời-thế, hình như có vẻ trái-ngược, mà bị người đời bạc-đãi như giăng buổi sáng, như hoa trái mùa. Một bên là phái thiếu-niên tân-tiến, đương buổi trí-khí hăng-hái, chỉ muốn cho cái quyền tự-do của mình được hoàn-toàn phát-triển, cho nên không chịu ràng-buộc tinh-thần vào trong vòng-khuôn cái nền-nếp cũ. Lấy chữ tùy *thời* tùy *địa* làm mông-sung, họ công-nhiên rút thân ra ngoài vòng đạo-đức của ông cha di-truyền lại; vì họ chê là cũ, không thích-thời. Một bên là phái bán cựu bán tân, tuy trong lòng riêng vẫn biết đạo-đức là cần-thiết cho tư-cách người ta, nhưng hoặc vì không đủ can-đảm, đủ nghị-lực để noi theo đường thẳng, hoặc vì sự sinh-nhai bắt-buộc, phải nén mình làm những điều không thể thú-thực với lương-tâm. Muốn « đánh chống lấp » đi, họ mới tìm cách che mắt thiên-hạ, mà hô to lên rằng: « *đạo-đức cũng như cái áo lót mình* (!), *thời-đại văn-minh*, không nhẽ nào còn cứ *khư-khư giữ cái đạo-đức hủ-bại được nữa*.» Bị hai làn sóng ấy đánh ập lại, cái đê đạo-đức đã núng sẵn, đứng vững lại được, tưởng cũng khó thay!

Nay xin gác bên sự bình-phẩm cách ngôn-luận hành-vi của hai phái kia, ta hãy đứng vào địa-vị khách-quan, mà xét xem căn-cứ cái đạo-đức là ở đâu và ta nên hiểu nghĩa chữ đạo-đức mới cũ ra thế nào?

Hai chữ đạo-đức bao-bọc hết thảy những việc người đời nên làm, để mưu-cầu cho sự sinh-hoạt của mình, của xã-hội, đến được cái bực có thể gọi là cực kỳ dồi-dào đầy đủ. Vậy cái căn-cứ của đạo-đức, tức là ở trong thiên-chất của mọi người, mà cái trưởng sở phát-triển của đạo-đức, tức là trong việc làm của người ta đối với mình, đối với xã-hội.

Người đời từ lúc sơ-sinh, ai cũng được bẩm-thụ một phần thần-trí lại mang bên một phần vật-tính. Vậy mục-đích nền đạo-đức hoàn-toàn, tất phải làm sao dẫn-đạo cho bên thần-trí được mười phần phát-đạt, mà phòng-bị cho bên vật-tính phải ngày một tiêu-duyệt đi. Cái chỗ khuyết-điểm của đạo-đức đời xưa là chỉ chuyên trọng về việc đề-phòng vật-tính mà sao-nhãng sự phát-dương thần-trí. Lại vì người ta sẵn tính lười biếng, chỉ cốt noi theo những tập-quán người trước để lại, cho nên nền đạo-đức mới thiên về mặt bảo-thủ, mà không có gì là tiến-thủ, là sáng-kiến. Đời nay là thời-đại nhật-tân, nhỏ như công-việc hành-vi của cá-nhân, nhớn như tình-hình sinh-hoạt của xã-hội, một ngày một đổi, một ngày một mới, không cái mãnh-lực nào có thể ngăn-cản lại được. Nếu ta muốn sống theo xã-hội, tất cũng phải lo sao cho sự sinh-hoạt của ta cũng theo trào-lưu ấy mà đổi mới luôn luôn. Vậy nói đến cái công-dụng của đạo-đức đời nay, ngoài cái chức-trách đề-phòng vật-tính, tất còn phải dẫn-đạo cái thần-trí của mọi người vào con đường tiến-thủ chính đáng, mới mong đạt được mục-đích là đưa người đời vào cõi sinh-hoạt hoàn-toàn.

Người ta ai cũng có quyền tự-do, cũng tôn-trọng cái quyền tự-do của mình, mà xã-hội tức là cái trở-lực rất lớn, để ngăn-trở cho quyền tự-do ấy không được muốn sao hay vậy. Xã-hội đã là cái tưởng ngăn-cản quyền tự-do của cá-nhân, mà loài người không ai chịu vứt-bỏ quyền tự-do, lại không có thể sống ở ngoài xã-hội, thì muốn tìm cái kế lưỡng-toàn, tất phải điều-hòa hai phương-diện ấy cho được quân-bình, mà không đến

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

nỗi xung-đột. Mục-đích của đạo-đức tức là lo-tính việc điều-hòa ấy, để giữ cho cuộc nhân-sinh được yên-tĩnh, có trật-tự. Đạo-đức đời xưa, vì có chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo, lại bị chế-độ quân-chủ lợi dụng, cho nên chỉ cốt chú-trọng về việc bình-yên của xã-hội; còn đối với quyền tự-do của mọi người, hình như chỉ muốn đè-nén cho đến cùng tận mới nghe. Có ngờ đâu cái tính tự-do của một người đã bị đè-nén quá độ, tất nhiên người ấy vì những nỗi bực-tức mà đối với xã-hội sinh ra mất cảm-tình; cảm-tình đã mất rồi sinh ra phẫn-uất, sinh ra giận-dữ; trật-tự của xã-hội bấy giờ cũng khó mà giữ được. Đạo-đức cũ sở-dĩ không hợp với thời-đại nà là vì thế. Ngày nay nói đến đạo-đức, tất nhiên phải tháo-gỡ cho quyền tự-do của cá-nhân dần dần thoát ra ngoài vòng ràng buộc quá chặt-chẽ của luân-lý cổ. Đối với xã-hội, không nên hy-sinh cá-nhân cho quần-chúng, nhưng phải tính làm sao cho mọi người ai cũng có cái cảm-tình đối với quần-chúng, cũng hiểu rõ cái chỗ quan-hệ mật-thiết của loài người. «Đứa trẻ con mới đẻ ra, đứa nào cũng biết yêu cha mẹ»; «người ta ai trông thấy đứa trẻ lê-la sắp ngã xuống giếng, tất nhiên cũng có lòng thồn-thức thương sợ», xem vậy, đủ biết người ta ai cũng có sẵn mối cảm-tình đối với đồng loại, cái ý-nghĩa của đời người chính nên tìm ở trong cái cảm-tình ấy, mà một nền đạo-đức rất cao-thượng tức là làm cho mối cảm-tình ấy hiển-hiện ra ở hết thảy các việc hành-động cư-xử của mọi người. Một nhà triết-học Đức có nói: «người bây giờ tuy không mấy khi để ý đến vấn-đề đạo-đức, nhưng trong các công việc làm ở trong xưởng thợ và ở các nơi chung-chạ, đều là có đạo-đức ở đấy cả.» Vậy đạo-đức có phải là một sự cao-xa huyền-bí gì đâu?

Xem vậy, mục-đích đạo-đức ở đời nay là cốt một bên nâng cao tư-cách, mở rộng đường sinh-hoạt của cá-nhân, một bên gây mối cảm-tình, phát-dương nghĩa liên-lạc của mọi người trong nhân-loại. Đứng về phương-diện cá-nhân, đạo-đức mới cần phải có, mà đạo-đức cũ cũng không thể vứt bỏ đi được. Trông về phương-diện xã-hội, đạo-đức cũ cần phải châm chước lại, nhưng lại cần phải đem một nền đạo-đức cao-thượng hơn, cần-thiết hơn để thay vào.

Giữ được đúng nhân-cách, bao giờ cũng vẫn là người quân-tử; làm những việc không thể nói với người được, bao giờ cũng vẫn là kẻ tiểu-nhân. Những kẻ tự mình bất-chính mà mượn tiếng *mới cũ* để mong hồi-hộ lỗi mình, lừa-dối lòng người, bao giờ cũng vẫn là những kẻ tội-nhân của danh-giáo vậy.

Ngô-thúc-Địch

CHUYỆN THẾ-GIỚI

ĐOẢN KỊCH

Trên thiên-cung

HỒI I

Briand — Doumer

Briand — Kìa cụ! Ở dưới hạ-giới có chiến-chanl rồi chứ? Phải! tôi mà chết đi hôm trước thời chỉ hôm sau là chúng nó choảng nhau! (*nói xong cười rũ-rượi*).

Doumer — Đừng tự-đắc vội!

Briand (*mải cười chẳng nghe thấy câu trả lời của Doumer*) — Nhưng sao cụ đã tuổi-tác thế mà còn sông pha tên đạn?

Doumer — Nếu được tử-trận như lũ cháu năm xưa thì còn nói gì? Nhưng không cụ ạ, bây giờ ở dưới địa-cầu, chúng nó không có đủ can-đảm mà đường-hoàng đánh nhau nữa, chỉ còn biết cắn trộm mà thôi. Nhật choảng Tàu không hạ chiến-thư cắn trộm. Nước kia, nó thù nước ta cho người sang hành-thích Giám-quốc: cắn trộm.

Briand—Vậy ra cụ bị hành-thích sao? Tội nghiệp Nhưng kìa lại cụ Inukai!

HỒI II

Briand, Doumer, Inukai

Briand — Cụ này thì hẳn là hi-sinh của chiến-tranh! Thưa cụ, chắc từ khi tôi rời hội Quốc-liên lên đây, thì Quý-quốc đã hạ tối-hậu-thư cho nước Trung-hoa rồi chứ?

Inukai — Không, hai nước đã ký hòa-ước rồi. Dưới địa-cầu ta bây giờ bình-yên lắm. Rõ tẻ ngắt! Phàm những người về phái chiến-tranh là chúng nó thịt... Đồ khốn-nạn!

Briand — Không có tôi mà cũng bình-yên được à? Vô lý!

Inukai — Sau khi cụ lên đây thì phái cụ và phái Xã-hội đại-thắng vào kỳ tuyển-cử mới rồi, Tardieu thất-bại.

Briand — Tardieu thất bại! Trời ơi! tức cười chết đi (*cười ngặt cười nghẹo*).

Tản-Hớn

ĐỌC BÀI «BẤT ĐIỀU-ĐỈNH»

CỦA ÔNG PHAN KHÔI TRONG BÁO ĐÔNG-TÂY SỐ 133

Muộn quá, đến mãi hôm nay, tôi mới có thể làm bạn với bút mực mà phê-bình bài «Bất điều-đình» của ông Phan-Khôi đề-xướng trong báo Đông-tây cách đây hơn năm tháng. Song le, muộn còn hơn là làm thinh. Làm thinh thì chẳng hóa ra những cái sở-đắc trong sự nghiên-cứu của mình không được chắc-chắn mà mình còn mang một tội ác nữa, tức là làm mờ-tối chân-lý vậy.

Theo ông, thì vô-luận về phương-diện nào, sự điều-đình là có hại và là vô giá-trị cả. Lý của ông: «Người ta mà ưa làm kẻ điều-đình là chỉ vì có ý sợ khó, có ý-chiều đời, có ý thích làm lớn; bằng không có những ý đó thì bổn-thân cái thuyết điều-đình chẳng đứng một mình được, vì nó vừa đen vừa trắng hay là không đen không trắng, dễ nói quá, mà chẳng có ý nghĩa gì.» Ông có nói đả-động đến cả thuyết trung-dung và chấp-trung, song tiếc rằng ông chỉ nói cái dĩ-nhiên mà không nói tới cái sở-dĩ-nhiên: thật là trái với phương-pháp khoa-học.

Ông Phan-Khôi thường tự-nhận là một nhà học-giả, song đọc đoạn văn trên vừa rút ở bài của ông, tôi không thể coi là cách lý-luận của học-giả được; gọi là cái luận-điệu của trạng-sư thì đúng hơn. Cái bổn-thân của sự điều-đình thế nào? Nó có hại và vô giá-trị không, ông Phan hãy cùng tôi nghiên-cứu.

Theo cái quá-trình phát-triển của nhân-loại mà suy-nghiệm ra mọi việc khác, thì sự điều-đình là cái hiện-tượng tất-yếu, không thể nào tránh thoát được, của hai cái thái-cực xung-đột với nhau.

Điều-đình hay là tổng-hợp cũng vậy, có khi thì là cái chung-cục của một cuộc biến, mà có khi lại là cái mầm của một cuộc biến khác nữa. Một lý-thuyết, dù hay dù dở, bao giờ cũng có một phái tán-thành hết sức duy-trì lấy nó. Đồng-thời lại có một phái khác phản-đối lại. Bởi đó, sự xung-đột của hai lý-thuyết mà rút lại thì là sự điều-đình vậy. Hết cuộc biến-thiên này lại kế-tiếp một cuộc khác, nhân-loại tiến-hóa không biết tới đâu mới là cùng! Tương-lai sẽ trả-lời cho ta về câu hỏi ấy.

Bàn về sự gây-dựng một nền văn-hóa đông-tây, tôi thấy nhiều nhà học-giả đã xướng lên thuyết điều-đình cái hình-thức của khoa-học Âu-tây với cái tinh-túy của tâm-học Á-đông, thật là hợp với lẽ tấn-hóa lắm. Nhưng, muốn làm được công-việc ấy, phải dầy công nghiên-cứu lắm, phải biết xem-xét ngoại thế, tra-khảo nội-tình cho sáng-suốt, chớ không dễ-dàng như ông đã tưởng lầm đâu.

Bổn-thân việc điều-đình là thế, vậy mà ông lại đem so-sánh với sự điều-đình giữa đám đánh nhau và cho những cái tâm-lý hợp với nó là hèn, là sợ khó, là có ý chiều đời, là có ý thích làm lớn, thì còn bàn nghĩa-lý làm sao được nữa? Đáng tiếc!

Đọc cả bài của ông, tôi chỉ nhìn nhận đoạn nghị-luận trích ra sau đây là quan-hệ hơn cả: «Đại phàm sự học nhờ ở sự cực-đoan mà mới có tiến-bộ. Nói về triết-học, ai khuynh-hướng về duy-tâm thì cứ duy-tâm đi; ai khuynh-hướng về duy-vật thì cứ duy-vật đi. Mỗi bên đều cứ theo chỗ mình tín-tưởng giựa vào luận-lý-học mà phát-huy nghĩa-lý cho tới cùng, như vậy nền triết-học mới càng ngày càng chói-sáng thêm. Học-giới bên Tây sở-dĩ tấn-tới mau lắm là nhờ đi theo con đường đó». Con đường đó là gì? Chẳng phải là sự quan-ma tư-ích cho nhau của hai cái thái-cực duy-tâm và duy-vật là gì! Rõ chính ông hành-động theo duy-vật-luận mà tự ông không biết.

Còn như ông cho rằng cực-đoan là có lợi cho sự tiến-bộ, thì tôi xin cãi trái lại rằng: cực-đoan chỉ là một cái phương-kế (moyen) mà thôi, sự điều-đình mới ngõ-hầu là cái cứu-cách (fin) trong sự khám-phá chân-lý vậy

Mục-đích tối-cao của sự học là gây cho người ta một cái «nhân-sinh-quan» tốt-đẹp và lý-thú. Phàm các nhà học-giả đều có hoài-bão như thế, song muốn làm được công-việc ấy, thì cái phương-pháp duy-nhất hợp với cuộc sinh-hoạt (gồm cả vật-chất lẫn tinh-thần) hiện-thời là điều-hòa duy-tâm với duy-vật làm một. Bằng như cứ thiên hẳn về một mặt này mà mạt-sát mặt kia thì không còn có cái gì nguy-hiểm cho sự học hơn nữa! Sự học chỉ có một mà thôi.

Tôi đã chỉ chỗ sai-lầm trong cái thuyết «bất điều-đình» của ông; nếu ông cho là phải thì ông nên lấy thái-độ ngay thật mà tuyên-bố vứt bỏ cái thuyết của ông đi, bằng như ông còn thấy chỗ ngộ-nhận của tôi thì ông nên vì chân-lý giữa học-giới mà thanh-minh cho mọi người được rõ.

Tôi xin nhắc lại lần nữa: điều-đình là hợp với cuộc tiến-bộ vì nó là chung-cục của một cái biến và lại là mầm của một cái biến sắp tới. Vậy trước khi ông Phan-Khôi đứng về phương-diện cực-đoan, theo ý tôi, thì ông hãy nên suy-nghiệm kỹ bài «Điều-đình cái án Quốc-học» của ông Nguyễn-trọng-Thuật đã. Nếu ông cho bài «điều-đình» ấy là phải thì ông nên cám ơn ông Nguyễn-trọng-Thuật đã làm được cái việc «người trong cuộc thường tối, mà người đứng ngoài thường sáng»; bằng như ông lại thấy điều quấy, thì đó là cái luận-điểm nữa cho ông.

Không thèm đếm xỉa tới việc làm phải hay quấy của người ta, chỉ mới thấy cái khuynh-hướng của người mà đã rao lên rằng có hại và vô giá-trị, cái thái-độ ấy, tưởng không nên có trong sự học.

Siêu-Viên

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

ESPERANTO

I. — *Esperanto là gì?*—Esperanto là một thứ tiếng nhân tạo, đặt ra để giúp cho việc giao-thiệp của người khắp thế-giới. Ta đừng tưởng lầm rằng Esperanto sẽ thay tất cả các «quốc-ngữ», đó chỉ là một thứ tiếng phụ quốc-tế (langue auxiliaire internationale) trung-lập, mà ai ai cũng nên học thêm vào tiếng mẹ-đẻ của mình.

Theo nghĩa đen, thì Esperanto là «người hy-vọng», vì nó biểu-hiệu mối hy-vọng rất chính-đáng, là gieo mầm bác-ái trên đời.

II. — *Lịch-sử Esperanto.* —Người phát-minh ra Quốc-tế-ngữ Esperanto là bác-sỹ Zamenhof, làm nghề thầy thuốc, sinh tại Bielostok, một tỉnh nhỏ nước Nga, và mất tại thành Varsovie. Khi còn nhỏ, ông lấy làm lạ vì dân cư chỗ ông ở thường thường sinh chuyện lôi thôi với nhau. Chính gia-đình ông và ông cũng bực mình và khổ-sở về chỗ đó, nên đêm ngày nghĩ cách làm sao gây cho họ một mối tình hòa-hợp. Đến sau ông mới hiểu rõ nguyên-nhân những sự lôi thôi sảy ra: chẳng qua chỉ vì Bielostok là nơi tụ-họp của dân tứ xứ, líu-lo líu-lường không ai hiểu ai. Phá cái hàng dào «ngôn-ngữ bất đồng», Esperanto ra đời chính vì mục-đích rất nhân-đạo đó.

Ra công nghiên cứu trong mấy năm trường, Bác-sỹ hiểu rằng: dù tiếng chết như tiếng latin, dù tiếng sống như tiếng Anh, tiếng Pháp, phong-phú, rồi-rào đến đâu cũng không đủ cho người đời dùng.

Đến năm 1878, tiếng quốc-tế bắt đầu bước vào thời kỳ lý-tưởng, song Bác-sỹ quyết chưa cho ra đời trước khi tìm ra phương pháp thực-dụng. Một mình làm việc trong 8 năm nữa, hết sức thay đổi thử-thách cho được hoàn-mỹ. Sau cùng, đến năm 1887, ông nhất định cho Esperanto trông thấy ánh sáng mặt trời. Ngay khi đó, trong thế-giới đã có tiếng Volapük đang vang-lừng tiếng tăm rồi. Tuy rằng tiếng đó rất khó nghe, rất khó nói, rất khó hiểu, cũng được nhiều người dùng, vì tiếng phụ lúc đó đã là vật nhu-cần. Nhưng Volapük chẳng bao lâu phải chết, đến những người dùng nó cũng tản nát mất cả.

Tuy Volapük chết song cái chết đó để lại một cái ảnh-hưởng rất xấu cho các tiếng nhân-tạo (langue artificielle) sau này, tức là cho Esperanto vậy. Bao nhiêu người đều cho rằng tiếng nhân-tạo chẳng bao giờ có kết-quả gì, mà người đặt ra chẳng qua có cái lý-tưởng ngông-cuồng mà thôi. Esperanto ra đời chính vào lúc khó-khăn ấy, làm cho Bác-sỹ Zamenhof phải tốn công vật lộn, đánh đổ hết cả các lời thị-phi gièm-pha có hại tới Esperanto.

Hao tài, tốn của, vả nhà lại nghèo, Bác-sỹ vẫn không nản chí, cố thực-hành ý-nguyện mình cho đến khi mười phần thất bại, sự thành công không đợi mà đến.

Bắt đầu theo Esperanto chỉ có người Nga, người Thụy-điển và vài người Đức. Nhưng lập hội truyền-bá ý-tưởng thì trong nước Nga lại nghiêm-cấm, thành thử không tìm đâu ra được một trụ-sở.

Năm 1889, bắt đầu cho xuất-bản một tờ báo viết bằng Esperanto. In thì ở Đức, mà độc-giả chỉ có người Nga. Báo sống được 6 năm, nghĩa là đến năm 1895, thì Nga-hoàng cấm mang lưu-hành trong nước, chỉ vì nhà văn-sỹ Tolstoï cũng viết trong đó. Báo không sống thì sự chuyền-bá cũng phải dừng.

Sau, ở thành Upsal, bên Thụy-điển, lại thấy một tờ báo mới, đặt tên là Lingvo internacia (Quốc-tế ngữ), phấn đấu rất khó-khăn.

Đến năm 1898, thì hội Socioto franca par Propagando de Esperanto (Hội tuyên-truyền tiếng quốc-tế của Pháp) thành-lập, nhưng hai năm sau, số hội-viên chỉ có 300 người, mà chẳng thấy người Pháp. Mãi lâu, mới thấy các nhà bác-học dúng tay vào việc, vả được hội du-lịch Turing-Club giúp đỡ, nên lại dần dần thành-lập các hội khác.

Phong-trào tràn sang Anh, rồi lan rộng đến khắp các nước, cho đến năm 1905, giữa khi Esperanto được thế-giới hoan-nghênh, thì một hội-nghị quốc-tế thành lập tại Boulogne-sur-Mer. Từ đó mỗi năm lại một lần hội-nghị:

Genève (Thụy-sỹ) 1906,
Cambridge (Hoa-kỳ) 1907,
Dresde (Đức) 1908,
Barcelone (I-pha-nho) 1909,
Washington (Hoa-kỳ) 1910,
Anvers (Bỉ) 1911,
Cracovie (Phổ) 1912,

cho đến năm nay, *hội-nghị lần thứ 24* (XXIVe *Congrès international*) *sẽ họp tại Paris từ 30 Juillet đến 6 Août 1932*. Hiện bây giờ trên thế-giới có tới 5000 hội tuyên-truyền, sách vở có tới hàng nghìn, mà báo-chí có tới hàng trăm.

Không những thế, trong chương-trình các trường công ở Y-pha-nho, Maryland (Hoa-kỳ), Principauté de Samos, đã thấy cho học Esperanto. Bên Pháp thì các trường trung-học tơ như ở Lyon, Marseille, Turin, Lycée Louis le Grand, Lycée Henri IV, trường Turgot, đều có dạy cả. Esperanto lại bắt buộc học trong các trường thương-mại, điện-thoại và vô-tuyên-điện, và phòng thương-mại Paris cũng đã dùng mấy năm nay.

III. — *Giá-trị tiếng Esperanto.* — Muốn biết chân giá-trị tiếng Esperanto, muốn biết ảnh-hưởng tốt tát của Esperanto cho cuộc hòa-bình thế-giới, xin trích dịch một đoạn sau này của ông Bernard Lavergne, giáo-sư luật-khoa tại trường Đại-học thành Lille, đăng trong báo Année politique, xuất-bản tại Paris tháng Août. Bài đó,

cũng có đăng trong tạp-chí Movado (Le Mouvement cuộc vận-động) là cơ-quan của hội tuyên truyền tiếng Quốc-tế Pháp (Soc eto franca par Propagando de Esperanto), kỳ tháng Novembre 1931 «.... Nền văn-minh Âu-châu, tuy vậy vẫn đứng vững trong thời-kỳ khủng-hoảng năm 1914. Song đến thời-kỳ khủng-hoảng mới này, ghê gớm bằng mấy trước, thế cũng khó lòng giữ được cho khỏi lung lay.

«Chiến-tranh hay hòa-bình.» Các dân-tộc, đáng lẽ rình nhau từng miếng mà cướp bóc lẫn nhau, ta nên để tâm giải-quyết một cách nhất-định, cái vấn-đề hệ-trọng đó, nó còn vẩn-vương trong óc ta và sẽ làm quẩn-trí cả bọn con cháu ta sau này nữa.

Ngày nay, không lúc nào ta nên quên rằng, nếu một trận binh-đao nữa nổi lên thì cái nguyên-nhân độc nhất chỉ là ở sự ngu dốt, sự không hiểu lẫn nhau, không hiểu cảnh thảm-khốc của cuộc nhân loại tương tàn, mà vì đó, dân tộc nọ coi dân-tộc kia như kẻ thù-địch.

Nhưng nếu xét kỹ, ta có thể cắt nghĩa một cách dễ-dàng vì đâu các dân-tộc lại không hiểu nhau như thế: cớ thứ nhất chỉ là hiện nay người trên thế-giới không có một thứ tiếng chung để làm giây liên-lạc.

Ngôn-ngữ bất đồng là cái nguyên-nhân rất hệ-trọng của sự không hiểu lẫn nhau, là cái trở-lực rất mạnh mà tôi phải hăng-hái và kiên-tâm sóa bỏ đi, trước khi được cùng nhau trao đổi ý-kiến bằng cách mới. Nhưng ý-tưởng thường đi đôi với tiếng nói, như vậy không thể một chốc mà đạt tới mục-đích. Sự khó-khăn đó, tuy là không tránh được, song nếu ta dùng các quốc-ngữ nó lại khó gấp trăm lần, vì các quốc-ngữ, dẫu cho sống nghìn vạn năm đi nữa, vẫn có nhiều quy-tắc, nhiều nghĩa riêng bất-định và rắc rối.

Từ xưa đến nay, trong các trường học ở Âu-châu, bao nhiêu người đem tâm-trí ra nghĩ cách để dạy học-trò một vài tiếng ngoại-quốc, song vẫn thất-bại khốn nạn; họa chăng có ít người thông-minh, khi đã học xong trương-trình trung-học rồi, lại theo đuổi nhiều năm nữa, chuyên về ngôn-ngữ khoa là có thể học được. Cái trở-lực của ngôn-ngữ bất-đồng càng đối với người giữ địa-vị cao trong nước, lại càng rõ-rệt hơn.

Thế mà chính-phủ các nước Âu-châu lại hững-hờ không thiết gì để tâm tới một thứ tiếng vừa hoàn-toàn, vừa dễ học như tiếng Esperanto, như vậy thực là đáng cho ta phàn-nàn lắm. Ta nên công-nhận rằng thứ tiếng của Bác-sỹ Zamenhof đặt ra ấy thực là thần-tình, vì Bác-sỹ đã cố mà bớt những chỗ khó khăn, và làm cho tiếng được dudương.

Tiếng Esperanto, vì trong mẹo không có những luật-định oái-oăm, nên dẫu muốn học cho đến cùng cũng mất rất ít công, có lẽ dễ hơn đến 5, 6 trăm lần sự học một thứ tiếng thường như tiếng Anh hoặc tiếng Đức.

Một người thông-minh, chỉ trong 15 ngày là có thể đọc được, và chỉ hai, ba tháng cũng gần nói được đúng Espéranto.

Thứ tiếng phụ đó, ta nên dùng nó mà dịch những bộ sách hay, ta nên học thêm lấy nó, vì nó vừa dễ, vừa chóng hiểu, và vừa tiện dụng cho những người không biết một thứ tiếng ngoại-quốc nào.

Nếu tiếng Espéranto mà được các chính-phủ công-nhận cho vào chương-trình các trường tiểu-học hoặc trung-học thì các học-sinh, sau khi bước chân ra ngoài đã có một lối tiện-lợi để giao-thiệp với người các nước. Không phải rằng trong các nước, có mấy nghìn người thông-hiểu ngôn-ngữ ngoại-quốc thế là đủ mà giao-thiệp với ngoài rồi đâu.

Nếu ngày nay nước Pháp, nước Đức, nước Anh v. v... có hàng ức, hàng triệu người tất cả các giai-cấp biết nói Esperanto, thì những tin đồn nhảm, những điều thị-phi sẽ không có nữa, mà những việc chính-trị sẽ giải-quyết rất dễ.

Ở thời-đại trung-cổ, ở Âu-châu chỉ có tiếng la-tinh là thông dụng trong việc học, ngày nay ta thấy nẩy nở ra biết bao thứ tiếng nữa, (nhất là từ 1918, ở Irlande (Anh) thì đặt ra tiếng gaëlique, ở Norvège tiếng landsmaal, ở mạn nam Âu-châu thì tiếng lette và este v.v...) mỗi thứ tiếng riêng tức là một bức tường chia thế-giới ra vậy.

Ta nên nhận và tin rằng vì tiếng Esperanto rất dản-dị nên có giá-trị hơn tiếng Latin nhiều, là không những người thông-thái mới có thể học được, mà đến người bình-thường, ai ai cũng có thể hiểu và nói thứ tiếng ấy.

Vậy ta kết-luận rằng: trong các cách giữ hòa-bình thế-giới, thứ tiếng của Zamenhof thực là một cách vô-giá vậy.

Chính Bác-sỹ, chỉ vì lòng yêu nhân-loại, mà xuốt đời tận-tụy cho tiếng quốc-tế, xem mấy câu sau này ở bài thơ Espéro (mối hy-vọng) của Bác-sĩ đặt ra sẽ hiểu:

« Sur neütrala, lingva fundamento,
« Komprenante unu la alian,
« La popoloj faros en konsento,
« Unu grandan rondon familian.»

Trên nền tảng của một thứ tiếng trung-lập,

Người nọ hiểu lẫn người kia,

Các dân-tộc sẽ cùng nhau làm thành...

Một vòng tròn to, như một gia-đình vậy.

Sau sẽ có bài nói về cớ vì sao Bác-sỹ lại không khuyên người ta lấy một thứ tiếng đương thịnh-hành nhất như tiếng Anh, tiếng Pháp, mà lại cầu-kỳ đặt ra thứ mới, và bắt phải học lại cho lâu, và sẽ nói qua sự dễ của Esperanto, cách hợp chữ, cách đặt câu, cách nói, có quy-củ nhất-định thế nào. N. M.



Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Biên Dòng

Ông Hitler phải một bữa ngắn người.

Hôm ấy ở một tỉnh-thành bên Đức có kỳ đại-hội của đảng Quốc-gia Xã-hội, nhà lãnh-tụ Hitler sẽ thân-hành đến diễn-thuyết để làm chophấn-phát tấm lòng sốt-sắng của các đảng-viên. Chuyến tầu ông Hitler đến ga đúng vào 10 giờ, thì từ tám giờ sáng, hàng vạn đảng-viên Quốc-gia Xã-hội ở xuốt thành-thị thôn-quê đã xúm nhau ngoài sân ga, để dự-bị nghinh-tiếp.

Vì một việc riêng, ông Hitler đã đi lên chuyến tầu 9 giờ đến, nhưng cố ý dấu kín không cho ai biết. Ra đến sân ga, ông gọi một cái xe thuê đi chơi xung quanh thành-phố. Bác-tài trước còn ngần-ngại, sau đành mời ông lên, nhưng nói trước rằng:

— Tôi xin nói trước với ngài rằng tôi chỉ có thể hầu ngài được đến 10 giờ kém 15 phút thôi.

— Sao vậy?

— Vì hôm nay là một ngày đại-hội của đảng chúng tôi. Ông lãnh-tụ đảng chúng tôi là ông Hitler, có lẽ ngài cũng biết đấy, sẽ thân-hành đến diễn-thuyết. Đúng 10 giờ tầu sẽ đến ga. Vậy ngài hẳn cũng lượng cho rằng chúng tôi không thể bỏ qua cái dịp thiên-tải nhất-thì này, để hoan-hô khánh chúc một đứng lãnh-tụ mà tôi thường sùng-bái trong khi mộng-mị.

Ông Hitler gật đầu, rồi lên xe đi, khi đi xem gần khắp tỉnh, thì kim đồng-hồ chỉ 9 giờ 40 phút. Bác Tài-xế dục-dịch quay xe về ga. Ông Hitler nói:

— Tôi còn muốn xem qua viện Bảo-tàng ở tỉnh này, vậy giá bác cố dốn cho tôi qua đấy một lượt thì hay lắm.

— Xin lỗi ngài, tôi đã thưa trước với ngài rằng tôi chỉ có thể hầu ngài đến 9 giờ 45 phút thôi. Tầu sắp đến ga rồi, ngài có trả tôi gấp hai ba lần tiền nữa, tôi cũng phải về.

Nói thế rồi bác Tài cứ đánh thẳng xe về ga.

Khi ở trên xe xuống, ông Hitler nghĩ đến lòng trung-thành của bác Tài kia mà không thể ngăn được tấm lòng cảm-động. Ông liền móc túi trả tiền xe, lại kèm thêm một cái giấy bạc 6 mã-khắc (15f) để làm món thưởng ngoài.

Đương lúc kinh-tế khủng-hoảng này, món tiền 6 mã-khắc đối với bác Tài-xế không phải là nhỏ. Tay cầm món tiền, bác Tài miệng nói cám ơn, mặt ra chiều ngẫm-nghĩ, rồi nói phắt rằng:

— Ngài còn muốn xem viện Bảo-tàng phải không? Thì xin mời ngài lên đây. Ta thây kệ anh Hitler cùng đảng Quốc-gia Xã-hội!..

Ngày hôm ấy, ông Lãnh-tụ đảng Q. G. X. H. diễn-thuyết xem ra kém vẻ hùng-hồn.



M. ALBERT LEBRUN
Tổng-thống mới nước Pháp (Cl. A. N.)

Một tin lạ trong nghị-viện Pháp

Ba ông nghị-viên cộng-sản Cachin, Marly và Duclos, trong khi còn ở Thứ-dân nghị-viên đã bị nhiều lần kết án vào tội cấm-giam, nhưng các ông vẫn được ung-dung tại ngoại, là vì các ông được hưởng cái quyền bất-khả sâm-phạm của các ông nghị-viên tại khóa. Rủi cho các ông trong cuộc tổng-tuyển cử vừa rồi, các người cử-tri đã cho các ông là không làm hết bổn-phận, nên không tỏ lòng tin-nhiệm các ông nữa. Vậy ngày 31 Mai hôm qua đây là ngày nghị-viên cũ mãn khóa, có lẽ các ông đã sửa-soạn khăn gói vô nhà đá... vì các ông lại trở lại là người thường-dân.

Đồng thời, một ông nghị cộng-sản mới trúng-cử lại hiện đương bị phạt giam, thì chắc có lẽ ngày hôm nay là 1er Juin, ông đã được từ nhà đá rước ra, chút bộ áo số mà súng-sính cắp cập chống ba-toong thủng-thỉnh bước lên đàn quốc-hội. Ở các nước văn-minh, thật lắm chuyện không ngờ!

Tình nghĩa vợ chồng bên phương Tây

Ngày 25 Mars, M. H. Bonnaud, 55 tuổi, làm nghề đại-lý thương-mại, vì bệnh đau phổi, chết ở nhà số 77, phố des Plantes, thành Ba-lê. Ngay chiều hôm ấy, bà vợ già cũng tự-tử bằng hơi đất thắp đèn, để theo bạn xuống suối-vàng.

Tấn thảm-kịch này, mãi đến ngày 7 Avril, người ta mới biết. Những hàng xóm láng giềng, vì lâu không trông thấy hai ông bà Bonnaud, sinh mối nghi ngờ, liền đi trình sở cảnh-sát. Họ nhớ ra rằng chiều hôm 25 mars vào khoảng 4 giờ thấy người ta đưa ông Bonnaud về nhà, trông ra vẻ đau nặng. Lại cũng chiều hôm ấy, ông thầy thuốc mời đến chữa, khi ra về, có nói quyết rằng tinh-mạnh ông Bonnaud chỉ còn được một hai giờ thôi.

Từ đấy, thấy im bặng đi.

Mãi đến 11 giờ hôm 7 Avril, theo tin báo của các người hàng xóm, lính cảnh-sát mới đến phá cửa vào. Cửa vừa mở ra, thì hơi đất sông lên, không ai dám bước chân vào trong nhà nữa. Liền phải gọi lính cứu-hỏa đưa vòi rồng đến để bơm hết hơi độc ra.

Vào đến trong phòng, thấy hai cái xác nằm sóng-sượt, ông chồng ở trên dường, bà vợ ở dưới đất. Trông qua cũng biết sự chết đã xảy ra từ mươi mười lăm hôm rồi.

Ở trên bàn, rành-rành bức thơ của bà Bonnaud tự nói chồng bà đã thác, riêng bà không thể sống gượng lại ở đời và dặn dò người họ là ông Simon, đem hai vợ chồng cùng chôn ở một miếng đất.

Đấy, ai dám bảo rằng tình-nghĩa vợ chồng ở phương Tây không mặn-mà đằm-thắm bằng ở phương Đông!

PHÁP-LUẬT DẪN GIẢI

Trong các việc thưa kiện hình-án, quan-lại sở dĩ lòe-dối được là bởi dân-sự không thông-hiểu pháp-luật. Mỗi khi phải đến cửa công, nếu người dân hơi hiểu-biết luật-lệ, thì tất tự biết sự được kiện hay thua kiện, là cốt ở mình có lý hay đuối lý, trắng án thoát tội hay phải án, là cốt ở mình có tội hay vô tội, dẫu đem mồm mép Tô Trương và phỉnh-phót hay dọa-nạt, cũng chưa dễ đã làm được cho họ siêu lòng. Làm cho người dân hiểu lý vững lòng trước mặt ông quan, tức là một phương-pháp rất thần-hiệu để bài trừ cái nạn hối-lộ. Cũng vì nhẽ ấy, cho nên ở các nước văn-minh; ngoài sự ban-bố pháp-luật rất rõ-ràng kỹ-lưỡng, để cho dân-sự dễ hiểu phép, biết phép, còn đặt ra các nghạch luật-sư, (avocat) trạng-sư (avoué), để mách-bảo cho người có việc những chỗ nghi-ngờ. Ở xứ Bắc-kỳ ta, hiện nay việc tư-pháp đã hoàn-toàn cải-lương, hai bộ hình-luật và dân-luật, do ở sự triết trung hai nền pháp luật Pháp Nam thảo-soạn ra, hiện đã thi-hành ở xuốt toàn-hạt. Như vậy thiết tưởng từ nay dân ta đối với pháp-luật, có thể biết rõ điều gì nên làm, điều gì nên tránh, không còn làm cái đồ chơi ở trong tay những kẻ «nhờn phép múa văn». Nhưng khốn nỗi, biết đọc luật là một việc khó, hiểu được luật lại là một việc rất khó; không hiểu luật là một điều nguy, hiểu luật không đến nơi đến chốn lại là một điều nguy hơn. Huống chi trong sách luật, lại sẵn có nhiều những danh-từ chuyên-môn, nhiều đoạn lạc khuất-khúc, nếu không giải-thích tường-tận phân-minh, thì trừ phi những người có theo đòi qua về khoa Luật-học, tưởng khó lòng hiểu cho rõ-ràng được.

Vì muốn giúp những kẻ chức-dịch, những người có việc cần đến cửa công, cái chỗ khó-khăn ấy. Bản-chí từ nay sẽ để riêng một phần công-phu về mục này. Sau mấy lời nói sơ-lược về những điều cần-thiết trong khoa luật-học, chúng tôi sẽ đem bộ Dân-luật và Hình-luật ra lần-lượt giải-thích và biện-luận từng điều từng khoản một cách rất phân-bạch tường-tận, để mong hiến các vị độc-giả ở thôn-quê, một món tiêu-khiển có ích trong lúc cần dùng.

Nguyên-nhân của pháp-luật

Cái quan-niệm về pháp-luật phát sinh ra từ lúc người ta bắt đầu cùng nhau tổ-chức nên xã-hội. Một người trơ-trọi ở một mình ở chốn hoang đảo, không biết gì là pháp-luật, cũng không cần gì đến pháp-luật, bởi vì quyền tự-do của người ấy được phép hoàn-toàn thi-thố, không có gì ngăn-cản mà cũng không can ngại gì đến ai. Nhưng đến lúc có người thứ hai nữa đến ở bên, tất-nhiên hai cái quyền phải gặp nhau, mà nếu hai người cùng không chịu hạn-chế cái quyền tự-do của mình, thì làm sao cũng phải sinh ra các cuộc sung-đột. Hai người còn thế, huống chi là hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn, hàng triệu người cùng chen vai thích-cánh với nhau ở trong xã-hội, nếu không có phương-pháp gì bắt buộc người người phải tự hạn-chế quyền tự-do của mình, phải biết kính trọng quyền tự-do của người bên cạnh thì cái về sinh-hoạt của xã-hội, giữ sao cho được yên-toàn. Nguyên-nhân của pháp-luật, tức là ở sự bầy đặt ra các phương-pháp để điều-hòa và phân-biệt giới-hạn cho những quyền tự-do đó. Cứ cái mục-đích này, thì cái công-dụng của pháp-luật hình như cũng chẳng khác gì công-dụng của luân-lý. Luân-lý cũng như pháp-luật, cũng cốt bắt người ta vì xã-hội mà hy-sinh một phần cái quyền tự-do của mình. Song cái chỗ khác nhau là luân-lý nhiều khi can-thiệp đến cả ý-tri, cả tư-tưởng, pháp-luật chỉ trông ở các công-việc thực-hành mà thôi; luân-lý còn dạy người ta những điều nên làm, muốn cho người ta trở nên một người hiền, pháp-luật chỉ cấm những điều không nên làm, cốt ngăn người ta không được làm một người ác; người nào không theo pháp-luật thì bị trừng-phạt, còn những mạnh-lạnh của luân-lý ai theo cũng được, không theo cũng được, cái cách thưởng phạt chỉ riêng gửi ở trong tay lương-tâm của cá-nhân; và hết thảy các việc làm của người ta, có tóm vào ba hạng, là đối với mình, đối với người, đối với Thượng-đế. Trong ba hạng ấy, pháp-luật chỉ chất-vấn đến các việc làm có can-thiệp đến người đồng-bào đồng-loại mà thôi, còn hết các công-việc hành-vi kia là ở vào trong phạm-vi của luân-lý.

Phân-loại của Pháp-luật

Những việc làm của một cá-nhân không những chỉ can-thiệp đến một cá-nhân khác mà thôi. Nhiều khi còn can-hệ đến cả đoàn-thể đến xã-hội nữa. Trên trường giao-tế của cá-nhân lại có các công-việc có một tính-cách riêng, như các sự giao-dịch về thương-mại của các người làm nghệ thương-mại. Vả một người cần phải giao-tế với một người, thì một nước cũng cần phải có khi giao-tế với một nước; người dân nước nọ, có khi cần phải giao-tế người dân nước kia. Bởi vậy, pháp-luật trước hết phải chia ra hai món là nội-pháp-luật hay quốc-gia pháp-luật (droits nationaux) và ngoại-pháp-luật hay quốc-tế pháp-luật (droits internationaux).

Quốc-gia pháp-luật lại chia ra:

Hộ-luật hay dân-luật (droit civil)
Thương-luật (droit commercial)
Hình-luật (droit pénal)
Cai-trị luật (droit administratif)
Hiến-pháp-luật (droit constitutionnel)
Dân-sự tố-tụng-luật (procédure civile)
Hình-sự tố-cứu luật (instruction criminelle)
Lao-động luật (legislation du travail)

Quốc-tế pháp-luật lại chia ra:

Quốc-tế công pháp (droit international public)
Quốc-tế tư pháp (droit international privé)

(Còn nữa)

Ngô-thúc-Địch

Y-HỌC

PHỤC-LINH

Phục-linh 茯苓 Pachyma cocos (Lycoperdon) là một vị thuốc đầu vị trong các vị thuốc Bắc. Phần nhiều bài thuốc là có nó cả. Mỗi năm ở Đông-pháp ta tiêu-thụ có gần 5000 tạ ta, mỗi tạ cứ giá trung bình 100p.00 thành mỗi năm chi đến gần 500000p.00 (năm mươi vạn bạc). Ấy nguyên một năm thứ Phục-linh đã tiêu hết từng ấy vạn. Còn các thứ khác thì biết bao!

Trong bản-thảo Tàu nói rằng: «Phục-linh là tinh hoa của cây Thông (Tùng) ngưng-kết lại được nghìn năm thành Hổ-phách, trăm năm thành Phục-linh».

Sa-sâm, Quy, Hoài, cũng là mấy thứ thuốc đầu vị, mỗi năm một mùa, hễ năm nào vị nào mất mùa thì khan, giá bán rất cao. Thế thì lẽ nào Phục-linh cứ một hạn một trăm năm mới có, mà thấy năm nào cũng có, có nhiều chứ nào có ít, vậy thì họ lấy ở đâu ra. Cho Phục-linh có hàng rừng nữa, cứ lấy luôn trong 10 năm cũng hết.

Chúng tôi vẫn tính vẫn lấy làm lạ, càng lấy làm lạ, càng sinh mối hoài-nghi.

Vì hoài-nghi mà đã tra-xét thấy mấy lẽ sau này:

1.— Báo Thực-nghiệp vừa rồi mới đăng:

«Tại Thượng-thành thuộc tỉnh Hà-nam bên Tàu, có nghề giồng Phục-linh, cách họ giồng thế này: vào rừng đẵn cây Thông (Tùng) đem về chặt thành từng cái trụ ngắn, lấy Phục-linh thái mỏng niêm vào đầu trụ, gọi là dân tử (gây giống), rồi chôn xuống đất, được một năm đào lên là thành Phục-linh, cái trụ kia lại dùng làm củi.»

Đó là Phục-linh thật, lại còn Phục-linh giả nữa, phần nhiều thầy thuốc và lái buôn thuốc bắc của ta, vẫn không biết có thứ Phục-linh giả, có ai bảo họ rằng giả, họ còn cãi bướng. (!) Chính sách thuốc Tàu nói có Phục-linh giả.

Phục-linh giả làm bằng bột gạo nắm lại, thui qua ngoài cho đen, sách Tầu chỉ nói vậy thôi, thật thì có vỏ, giả thì không có vỏ.

2.— Có người làng cụ Đặng ở Vinh, đi làm coolie cho một sở mỏ ở Thái-nguyên về kể chuyện sau này: «Tôi làm ở mỏ cực quá, không thể kham nổi, phải trốn về; đi qua Sơn-tây, trở về mạn rừng Thanh-hóa, thì gặp tụi khách chú đi kiếm thuốc, chúng họ dùng để đi mang vác cho họ, bắt mang những giây củ Phục-linh, một giây có hai ba củ, đem về Bái-thượng rồi họ đưa xuống thuyền». Người này quả quyết là linh có từng giây.

3.— Trong sách Bản-thảo cương-mục thì nói rằng: «Thượng-hữu Thổ-ty, hạ hữu Bạch-linh» lại có câu nữa: «Thượng-hữu linh-miêu, hạ-hữu Phục-linh».

Trong sach Hóa-học tân bản-thảo thì cho Phục-linh có thảo đầu thời thuộc về nhân loại, tức là loại nấm (Lycoperdon).

4.— Đem nhiều củ Phục-linh ra xét thì thấy nhiều củ cũng có đầu cuống, như cuống củ nâu vậy.

Cứ các lẽ trên này mà xét, biết rằng các rễ cây Thông ở nơi cao ráo, thì không thành linh, rễ nào ở vào chỗ ẩm-thấp, thì sinh nấm, sinh nấm trên tất sinh Phục-linh ở dưới.

Xét biết được thế, thì nay ta cũng có thể thí-nghiệm cách gây lấy Phục-linh.

Vậy muốn gây lấy Phục-linh thì ta lại phải theo cách gây lấy cây nấm.

Muốn gây nấm ở rễ Thông, thì ta đi tìm các rễ Thông nào ăn ra chỗ đất thấp, gần nước, bới đất chỗ rễ ấy, rồi lấy rơm ủ lại, ngày ngày tưới nước, rơm lâu ngày ủi nát, tất sinh nấm, nấm sẽ mọc bám vào rễ Thông, sẽ hút lấy tinh khí của Thông mà kết-tụ lại ở gốc, thành ra Phục-linh.

Cách này xem ra may còn có lý hơn là cách nói ở báo Thực-nghiệp.

Cách ấy xem ra khó hiểu, bảo Phục-linh sẽ sinh ra ở đầu trụ, một năm thì khó có, mà hình thù sao lại có được củ to củ nhỏ hình dài hình tròn,

Máy « cọ răng »

Trước đã nói qua về máy trử « ngáy », nay xin nói đến cái máy « cọ răng » mới chế ra ở nước Anh.

Máy này nhờ sức nước chẩy mà chạy. Lấy một cái ống cao-xu một đầu cho thông vào hộp máy một đầu cắm vào vòi vặn nước (robinet), mở cho nước chẩy xiết, sức nước đẩy cái guồng trong hộp, guồng quay, chuyển ra bánh xe mà đưa cái bàn chải hình cong ở ngoài chạy đi, chạy lại như con thoi cửi, thế là cứ việc nhe hàm răng đưa vào cái bàn chải ấy, nó quét cho vài lượt là trắng bóng.

Dùng máy này không những tiện, lại còn vui mắt nữa. Tiệc thay bên Đại-cồ-Việt ta chưa thấy có. Giá ai xin làm đại-lý bán chắc đắt hơn tôm tươi, vì nó sẽ giúp cho những bàn tay ngọc-ngà của các cô « tân-thời » mỗi buổi sáng khỏi phải một phen mỏi rời, các cô đỡ được một phần cất nhắc.

Phục-linh có thứ giả, nhưng nói: «Thật thì có vỏ, giả không có vỏ,» thời cũng chưa đúng, xin nói thêm: thật cũng có vỏ, mà giả cũng có vỏ Nhưng vỏ có khác nhau. vì họ làm giả như thế này mới có vỏ: họ lấy bột gạo nắm lại, ngoài bồi mấy lớp giấy bản, thui qua cho đen, rồi vùi nhét vào rễ cây Thông (Tùng) nửa năm hay một năm, họ lấy lên đem bán, trông qua khó biết được. Muốn phân biệt cho rõ, thì nên bổ củ linh ra, xem thứ ruột linh nào trắng, rắn, có thớ là thật thứ nào bở, mục là giả. Muốn có của tốt phải đắt tiền, ta đừng tham rẻ mà bị lừa.

Cách gây Phục-linh thiết nghĩ như thế, cách thử linh tốt xấu là như thế, xin các ngài thí-nghiệm xem sao, nên lập cách gây lấy Phục-linh mà thực-hành được, thì mỗi năm ta đỡ tốn non 5 mươi vạn bạc, chả may lắm sao.

Chúng tôi rồi đây sẽ ra Hoàng-mai có rừng Thông, cũng sẽ thí-nghiệm xem sao.

Thật là một việc có ích vô-cùng!

Phó-đức-Thành

Vinh

ĐẢNG XÃ-HỘI TRONG HẠ-NGHỊ-VIỆN PHÁP

Sau cuộc Tổng-tuyển-cử, người ta thấy rõ xu-hướng quốc-dân Pháp thiên hẳn về bên tả (*Xã hội và Cộng-sản*). Đảng Xã-hội cứ mỗi lần bảo-cử là một lần thêm mạnh, nhưng không bao giờ thắng-lợi lạ-lùng như bây giờ. Trong nghị-viện, không một đảng nào có được 80 ghế, mà riêng đảng Xã-hội Lao-động chiếm được 129 ghế, đảng Xã-hội Cấp-tiến chiếm 156 ghế, nhà lãnh-tụ Herriot nghiễm-nhiên thành tay « vô địch » trong nghị-trường.

Người ta nói : « Nếu đảng Xã-hội hành-động theo đúng chương-trình vẫn hoài-bão bấy lâu, lòng nhân-đạo của nước Pháp mới thật là hiển-hiện. »

Vậy thiết-tưởng cũng nên nói qua đến tôn-chỉ và chương-trình của các đảng ấy. Kỳ này hãy xin nói về đảng *Xã-hội Lao-động* (*Le Parti Socialiste S. F. I. O.*) trước, vì đảng ấy có tính-cách xã-hội nhiều hơn.

Đảng Xã-hội Lao-động thành lập ra sao?

Trước khi anh em lao-động họp nhau thành đảng-phái, tư-tưởng xã-hội đã thấy vẩn-vơ trong trí người ta đến một thế-kỷ nay. Ở nước Pháp, những ông St Simon, B. Enfantin, Proud'hon, P. Leroux đều là người đã có óc xã-hội.

Phái Xã-hội cách-mệnh ở nước Pháp bắt đầu nổi tiếng là nhờ có ông Gracchus Babeuf, người bị xử trảm năm 1797 vì đã dự vào Bình-đẳng bí-mật hội và ông Auguste Blanqui biệt-hiệu là «l'Enfermé», đã kiên-tâm ngồi 40 năm trong ngục tối, trải ba triều-đại : vương-chế, đế-chế và dân-quốc.

Đệ-nhất quốc-tế do Karl Marx tổ-chức họp ở Luân-đôn ngày 28 Septembre 1864, kéo dài mãi đến năm 1873. Vì mấy lần nội-loạn: môn-đồ ông Proud'hon với môn-đồ ông Karl Marx tranh-dành nhau trước, cánh xã-hội theo phương-pháp khoa-học của ông Karl Marx với cánh vô-chính-phủ của ông Bakounine kèn cựa nhau sau, mà đệ-nhất quốc-tế thành ra chia rẽ.

Sau ngày hội-nghị La Haye (1872) Quốc-tế phân làm hai cánh : Cánh thứ nhất theo chủ-nghĩa Bakounine thịnh-hành ở Thụy-sĩ, Ý đại-lợi, Tây-ban-Nha và miền Nam nước Pháp, cánh thứ hai theo chủ-nghĩa Karl Marx bành-chướng ở khắp Đức, Anh và Hoa-kỳ.

Khoảng năm 1877 và 1878, Quốc-tế lìa-tan hẳn.

Nhưng chủ-nghĩa Xã-hội lại tái-sinh ở nước Pháp, nhân dịp phái-bộ thợ-thuyền đi dự đấu-xảo quốc-tế năm 1873 ở Vienne và năm 1876 ở Philadelphie.

Ngày 2 Octobre 1876, ở Ba-lê, thợ-thuyền nhóm hội lần thứ nhất. Năm sau, hội-đồng lần thứ hai sắp nhóm ở Lyon thì bị Chính-phủ cấm. Đến kỳ hội-đồng quốc-gia lần thứ ba họp ở Marseille ngày 20 Octobre 1879, anh em thợ-thuyền bèn thảo hiến-pháp lập thành đảng gọi tên là đảng *Lao-động xã-hội nước Pháp* (*Parti des travailleurs socialistes de France*). Năm 1880, hội-đồng thứ tư họp ở Havre ngày 19 Nov. công-nhận bản chương-trình của ông Jules Guesde đã cùng hai tay Karl Marx và Engels thảo ra. Trong kỳ Quốc-hội lần thứ năm họp ở Reims ngày 30 Oct. 1881, hội-viên rẽ theo hai xu-hướng : một đảng theo chủ-nghĩa hiệp-tập, cách-mệnh, duy-nhất và tập-trung có ông Jules Guesde, một đảng theo chủ-nghĩa xã-hội, liên-hiệp và cải-lương, có ông Benoît Malon và ông Brousse. Hai ông này tuy không bỏ hẳn chương-trình ở Havre năm trước, nhưng các ông yêu-cầu với liên-hội cho các tiểu-ban xã-hội ở các địa-hạt có quyền tự thảo **chương-trình vận-động bảo-cử.**

Đảng thợ-thuyền chia rẽ mãi, đến kỳ Hội-đồng ở Ba-lê năm 1905 mới lại tuyên-bố hợp-nhất. Sự hợp-mãi đến trước hồi Đại-chiến mới thực-hiện, nhưng chẳng bao lâu vì một bọn đảng-viên hợp-tác với các Chính-phủ Quốc-phòng mà trong đảng lại có sự khích-bác.

Tuy về vấn-đề chiến-tranh, ý-kiến hội-viên thường có chỗ xung-đột, song đảng vẫn không đến nỗi li-tán. Bỗng đến ngày 24 Déc. 1920, trong kỳ Hội-đồng ở thành Tours, đa số đại-biểu bỏ phiếu tín-nhiệm Đệ-tam Quốc-tế ở Moscou, còn thiểu-số khăng-khăng giữ chương-trình Đệ-nhị Quốc-tế năm 1900. Từ đó Đảng chia rẽ hẳn : bọn đa-số đổi tên là *Quốc-tế Cộng-sản Pháp-quốc phân-bộ* (*Section Française de l'Internationale Communiste*), còn bọn thiểu-số giữ tên cũ : *Đảng Xã-hội — Quốc-tế Lao-động Pháp quốc phân-bộ* (*Parti Socialiste – Section Française de l'Internationale Ouvrière*), tức là đảng *Xã-hội Lao-động vậy*.

Chủ-nghĩa đảng Xã-hội Lao-động

Đảng Xã-hội Lao-động giữ nguyên chủ-nghĩa của Jaurès, Guesde và Vaillant ngày trước, lấy bản quyết-nghị của Hội-đồng Amsterdam năm 1904, tờ ước hợp-nhất năm 1905, với tờ quyết-nghị của Hội-đồng Toulouse năm 1908 làm cốt-yếu. Chủ-nghĩa này có nhiều chỗ phản-đối với Đệ-tam Quốc-tế đại-khái như :

1°) Người đảng Xã-hội Pháp không chịu đặt dưới quyền Quốc-tế Moscou, vì Quốc-tế yêu-cầu nhiều-điều xét ra không thể nhận được (nhất là việc trục-xuất mấy tay lãnh-tụ mà những người thủ-tĩnh Quốc-tế tỏ-ý không ưa) ;

2°) Họ không chịu theo lời yêu-cầu của các tay cộng-sản Nga, mà bỏ việc quốc-phòng trong lúc quốc-gia còn ở dưới chế-độ tư-bản ;

3o) Trái với những người cộng-sản theo chủ-nghĩa Tô-Nga, họ tuyên-ngôn bênh-vực quyền tự-trị của phong-trào nghiệp-đoàn và nhất-thiết để-kháng sự muốn đặt các nghiệp-đoàn ở dưới quyền một chính-đảng.

Tuy hai đảng Xã-hội và Cộng-sản có chỗ phản-đối quan-trọng ấy mặc dầu, nền tảng chủ-nghĩa của họ vẫn là một. . . . . .

Trong Quốc-hội ngày 13 Février 1921, các tay đại-biểu của đảng xã-hội đều công-nhận đoạn sau này :

«*Chính-sách liên-hiệp tả-đảng, chính-sách tán-trợ Chính-phủ, xưa nay vẫn trái ngược với chủ-nghĩa chúng tôi, mà theo sự kinh-nghiệm chỉ là chính-sách đầu-cơ, không còn một tý hy-vọng gì quyến-dũ được người trong đảng chúng tôi nữa.*

. . . . . .

. . . . . .

Tuy vậy, khác với những đảng-viên cộng-sản, người đảng Xã-hội không lấy sự bạo-động làm phương-pháp cần-thiết cho việc cải-tổ xã-hội. Họ lại chú-trọng vào những việc cải-cách dần dần, và, ngoài những lời tuyên-bố về chủ-nghĩa, họ vẫn có một bản chương-trình có thể thực-hành ngay được. Chương-trình ấy mười phần thích-hợp với thái-độ thông-thường của chủ-nghĩa Xã-hội.

Chủ-nghĩa Xã-hội sở-dĩ phát-sinh là vì sự chế-tạo các máy-móc đã làm cho cái công-phu chế-tạo hóa-vật với cái quyền hưởng-thụ lợi-tức thành ra chênh-lệch nhau. Đây mấy lời vắn-tắt của ông Ferdinand Corcos (1) :

« *Từ ngày chế-tạo ra máy hơi nước và các máy-móc khác, sự làm việc trước kia là cá-nhân đã thành ra công-cộng. Nhưng công-việc thì công-cộng mà cái quyền sở-hữu những khí-cụ làm việc thì vẫn thuộc về cá-nhân, ấy bởi cái hiện-tượng của sự lao-công và cái hiện-tượng của quyền sở-hữu trái-ngược nhau như thế, nên mới phát-sinh ra những cảnh khổ-não, những cuộc rối-loạn của xã-hội hiện-thời. Các khí-cụ sản-xuất hóa-vật đều lọt vào tay một số ít người . . . mà . . . người thợ thì vì máy-móc mà mất chỗ làm việc, hết nghề kiếm ăn. . . Họ phải sô nhau đến các cửa xưởng ngửa tay xin việc, những . . . . . người chủ . . . mới nhân đấy bắt chẹt, hạ công những người thợ đương làm...*

« *Cơ-khí không những làm giảm công-lương xuống, lại làm giảm giá-trị người thợ nữa. . . Vì người thợ lúc ấy cũng chỉ như một bộ phận trong cái máy đó thôi...*

« *Một cảnh-huống nữa cần phải nhờ chủ-nghĩa xã-hội giải-quyết là: vì người có của không phải làm việc, người làm việc không có của, nên những hóa-vật sản xuất ra không thể nào tiêu-thụ hết. Kinh-tế khó-khăn, các nhà máy đóng cửa, hàng mấy triệu thợ-thuyền thốt-nhiên bị ẩn ra ngoài hè phố, cơm không, áo không, giầy không, mà đương lúc ấy trong các kho hàng, vẫn đầy ứa những thức ăn, những giầy, những áo. Vì cái gì cũng nhiều quá mà thành ra cái gì họ cũng thiếu cả. Cái câu hỏi, « Làm thế nào sản-xuất ra đủ cho mọi người nhu-dụng ? » bây giờ đã nhường chỗ cho câu hỏi : « Làm thế nào tiêu thụ hết ngần ấy hóa-vật ?» Vấn-đề thị-trường vì đấy phát-sinh. . . . . mà thành ra cần-thiết cho hết thảy các nước, dù nước ấy theo chủ-nghĩa cực-kỳ thủ-cựu hay cực-kỳ duy-tân cũng vậy...»*

Chương-trình của đảng Xã-hội Lao-động.

Chương-trình hành-động của đảng Xã-hội giống với chương-trình đảng Cấp-tiến và Xã-hội cấp-tiến (2) ở mặt nội-trị, mà khác ở chính-sách ngoại-giao.

1o/ *Về Phương-diện chính-trị :* sửa đổi lại hiến-pháp cho hợp chủ-nghĩa cộng-hòa ; bỏ Nguyên-lão nghị-viện (vì Thượng-Nghị-viện phần nhiều có xu-hướng thủ-cựu).

2o/ *Về vấn-đề giáo-dục* : giữ sự giáo-dục đứng ngoài tôn-giáo ; bắt-buộc trẻ-con phải đi học và tha hết các học-phí.

3o/ *Về vấn-đề tài-chính* : phản-đối sự công-thải và sự tăng-gia thuế ngoại-ngạch, thuế thương-chánh và thuế xuất nhập của các nhà buôn.

4o/ *Về vấn-đề nợ bồi-thường* : rút bớt số tiền nợ của chính-phủ Đức ; xóa bỏ những nợ của Đồng-minh vay lẫn nhau ; cho các nước bị tàn-phá (Pháp, Bỉ) được bồi-thường trước ; mở một cuộc công-thải quốc-tế thật to để giúp cho nước Đức tróng giả hết nợ và giúp cho tình-hình kinh-tế toàn-Âu tróng hồi-phục lại ; trong các công-việc chuyên dùng nhân-công và vật-liệu Đức.

5o/ *Về chính-sách quốc-tế* : vẫn giữ chủ-nghĩa liên-hiệp quốc-tế, nghĩa là họp hết cả các đảng các nước thành một cơ-quan công-cộng ; điều-đình về phương-diện tinh-thần cho các nước bỏ lòng thù-hằn ghen-ghét lẫn nhau.

9o/ *Về vấn-đề binh-bị* : rút thời kỳ tại ngũ xuống tám tháng (hiện nay 18 tháng) mà chú-trọng việc dùng lính trừ-bị.

7o/ *Về phương-diện xã-hội* : nhất định bênh-vực điều-luật làm việc «8 giờ» (loi de 8 heures) ; công-nhân quyền tổ-chức nghiệp-đoàn cho cả các quan-lại; tán-dương chế-độ xã-hội bảo-trợ.

8o/ *Về vấn-đề nông-chính* : bênh-vực quyền-lợi những nông-dân, những tiểu-điền-chủ và những tá-điền ; dự-định một bản chương-trình công-tác cốt để làm cho tốt đất ; mở-mang chế-độ nông-phố ngân-hàng. . . . . .

. . . . . .



. . . . . .

. . . Phương-pháp hành-động là ở sự tổ-chức kinh-tế và chính-trị của giai-cấp vô-sản.

« *Theo như mục-đích, tôn-chỉ và phương-pháp hành-động, đảng Xã-hội tuy vẫn theo đuổi sự thực-hành dần dần những điều cải-cách cần-thiết cho giai-cấp lao-động, nhưng không phải là một đảng cải-lương mà là một đảng cách-mệnh chú-trọng vào giai-cấp chiến-tranh.*

« *Trong quốc-hội, những tay đại-*

biểu của đảng lập thành một đoàn-thể duy-nhất khác hẳn các đảng-phái khác. Đảng Xã-hội phải... yêu-cầu...Chính-phủ không cho thi-hành những phương-pháp gì có thể giúp thế-lực cho một phái... kia giữ lấy quyền-hành lâu-dài : Bởi vậy, phải phản-đối những món binh-phí, những món dùng để khuếch-trương thuộc-địa và tất cả các chi-khoản bí-mật. Ở quốc-hội, đảng Xã-hội phải dụng tâm bênh-vực và làm cho khuếch-trương những quyền tự-do của quốc-dân cùng những quyền-lợi của các người lao-động, phải theo đuổi sự thực-hành những điều cải-cách có thể giúp cho sự sinh-hoạt và sức phấn-đấu của giai-cấp lao-động được ngày thêm phấn-chấn.....»

Chủ-nghĩa ấy, chương-trình ấy ngày một thêm mạnh ở một cường-quốc như nước Pháp, ta đủ biết được trình-độ nước ấy đến nhường nào. Nhưng còn một câu hỏi cốt-yếu : *Việc làm với lời nói liệu có khác nhau không ?* »

Cứ xét như thói thường trong chính-trị-giới thì một đảng lúc chưa cầm quyền còn hết sức rải bầy nhiều chủ-nghĩa chương-trình cao xa, xong đến lúc quyền-chính được cầm trong tay tự-nhiên phải ngần-ngại ma liệu bề châm-chước. Nhưng ta hãy nghe ông P. Renaudel diễn-thuyết trong Quốc-hội Marseille: (3)

« ... *Đảng Xã-hội chúng tôi đã tỏ cho mọi người đều biết rằng : chúng tôi không bao-giờ chịu hạ thấp cái tôn-chỉ cao-thượng của đảng là cải-tạo xã-hội, không bao giờ chịu nhượng bộ trước các đảng-phái trưởng-giả dù họ có mang chủ-nghĩa cộng-hòa cũng mặc, và cũng không bao giờ chịu châm-chước với cái điều yêu-cầu cốt-yếu nhất là làm cho các khí-cụ sản-xuất và giao-dịch các hóa-vật thành ra của chung của xã-hội...*»

Vậy ta, dân thuộc-địa, cũng như đại-hạn trông mây, ta cũng có thể tạm mừng ở chỗ đảng Xã-hội thắng lợi.

Đinh Huy-Hạo

(1) Trích trong cuốn Catéchisme des partis politiques trang 117

2. — Kỳ sau sẽ nói đến.

3. — Trích trong cuốn Manuel des partis politiques en France của J. Carrère và G, Bourgin.

THỜI ĐÀM

. . . . . .

. . . . . .

Một thằng Ranh-con

TIN-VẮN

Ấn-độ. — Ở Bombay, dân Hồi dân Ấn xung-đột nhau ngày thêm dữ, tính đã đến dư trăm người chết, dư nghìn người bị thương, 40 hãng dệt phải đóng cửa. Việc xung-đột về tôn-giáo ấy sảy ra chính lúc Quốc-gia Hội-nghị khai mạc, thành ra sự hành-động của cánh ông Gandhi bị ngăn-trở nhiều mà Chính-phủ được yên tâm một dạo. Theo lời nói của nhiều tay chính-khách thì Chính-phủ Anh muốn thi-hành ở Ấn-độ một hiến-pháp chính-trị do thế-lực dân Hồi giúp để làm cho phong-trào Quốc-gia mất hiệu-lực đi.

Nhật. — Nội-các mới nước Nhật do Ý-Đảng tổ-chức đã thành-lập, được đảng Chính-hữu và Dân-chính, cùng một phần lớn trong nghị-viện hứa sẽ trợ-lực.

Ý-Đảng (Saito) làm Thủ-tướng kiêm Ngoại-giao, Nam-tước Yoyamoto ở Nội-vụ, Thủy-quân tư-lệnh Okada coi Thủy-quân, Takahassi (Cao-Kiều) giữ Tài-chính, nguyên-soái Hayashi ở Cao-ly được chiệu về để giữ bộ Chiến-tranh.

Aden. — Hôm 10 Mai, tầu Georges Philippar dời bến Colombo đi, lúc đến sẽ Aden bỗng thấy phát-hỏa rất mau tróng dữ-dội.

Số hành-khách có 767 người, 49 người mất tích, còn cứu được 718 người.

Trong bọn hành-khách ta nên chú-ý nhất đến ông Albert Londres, một nhà phóng-viên nổi tiếng hoàn-cầu vừa ở Mãn-châu về bị thác oan, mà quan Thượng Thái-văn-Toản đi nghênh thánh-giá hồi-loan nhờ hồng-phúc của vua ta được thoát nạn...

Trung-Hoa. — Vì việc Vũ-xung-Hán, một yếu-nhân trong chính-phủ Mãn-châu, bị hành-thích, người ta khám phá ra một đoàn ám-sát ngấm ngầm tổ-chức ngay sau khi chính-phủ Mãn thành-lập. Đoàn ấy lập không đầy tuần-lễ mà đã có hàng vài trăm thiếu-niên dự vào, mục-đích để giết hết những người Hán theo chính-phủ Mãn. Phổ-nghi lấy làm lo sợ lắm, ở kín trong thâm-cung, muốn trốn cũng không được, cả ngày ngây-ngất than-khóc với vợ con ..

Tại nghị-viện Pháp

— Hôm 31 Mai, đảng Xã-hội họp Hội-nghị để quyết-định vấn-đề đảng Xã-hội ra cầm quyền-chính. Cứ theo tin-tức mấy hôm trước mà xét thì có lẽ đảng Xã-hội sẽ giúp cho Chính-phủ X. H. C. T. nếu đang này bằng lòng tuân theo một bản chương-trình Xã-hội đại-khái có mấy điều chính : tài giảm binh-bị, cấm-chỉ việc chế tạo khí-giới, đặt lệ mỗi tuần-lễ chỉ làm việc 40 giờ, đặt cuộc bảo-hiểm sự thất-nghiệp cho nông-dân...

— Nhưng đảng Xã-hội bấy lâu vẫn đứng riêng trong nghị-viện nên các đảng khác đều không tán-thành, mà đảng Xã-hội cấp-tiến tuy sợ thế-lực đảng Xã-hội thực cũng không muốn cộng-tác với đảng ấy. Ông Herriot có ý muốn kéo cánh với mấy đảng nhỏ trong Trung-ương Tả-đảng thường vẫn giữ thái-độ ôn-hòa, để đích lại với đảng Xã-hội. Nếu thế cái chương-trình hành-động của đảng ông chắc cũng không phải thay đổi mấy tý mà chính-phủ Pháp sau đây sẽ là một chính-phủ liên-hiệp cộng-hoà.

Lời ông Phạm-Quỳnh nói với phóng-viên báo Petit Parisien, có đăng trong Pháp-việt Tạp-chí.

...Chính thế, ông Phạm-Quỳnh đã phàn-nàn : ông không theo kịp thời-buổi này! «Họ đã coi tôi là một người già-lão rồi. Những hạng thiếu-niên ấy đều là những ranh con vô giáo-dục. Họ chẳng biết kính ai cả; họ muốn phá-loại tất cả mọi việc, họ tự-đắc tưởng đã đủ tài-đức để tự-lập».

(Trích Đông-tây số 173)

Từ nay, bản-chí nhất định xuất-bản mỗi tháng 4 kỳ, hai kỳ chính ra ngày 1er và 15, hai kỳ phụ ra ngày 8 và 23. **Giá số báo chính: 0$15, giá số phụ trương: 0$05.** *Giá báo in ngoài bìa kỳ này là nhầm, xin các ngài lượng thứ.*

VĂN-ĐÀN

Một bức thư trả lời người xa

(Tiếp theo Phụ-trương kỳ 42)

Kính ông Đông-Hồ,

Hà-Tiên

Tôi từ khi Annam tạp-chí lại được ra ở hàng Khoai, ngoài nhờ cảm-tình của các bạn độc-giả vẫn có lòng tin yêu, trong nhờ các anh em đồng-sự trông coi các công việc, tự mình chỉ muốn giữ một mục Văn-Đàn, chuyên tâm về thơ ca, lấy đó làm một chỗ để tu, ngày ngày vun sới các hoa, vui cùng các khách thập-phương vậy. Các câu truyện tùng-tạp trong xã-hội lâu nay không muốn biết đến nữa, vì cũng không muốn nói đến nữa, vì nghĩ có nói liều cũng chẳng có ích gì đến ai. *Việc đời như nước chôi, nó đi như sao, nó cứ đi như thế vậy.* Đã nghĩ vậy mà lại không được hẳn như thế, thời vì cái thân ở vào ngay giữa chỗ ngôn-luận, những sự trái tai ngang mắt ngày ngày đưa đến tận nơi ; mình đối với tờ tạp-chí Annam lại là hơi có chút địa-vị, không nhẽ chỉ ngồi mà làm thơ, mà ngoài ra nhất-thiết không biết. Nghĩ như vậy, cho nên lại nhiều lúc phải cầm bút để viết ; đã cầm bút viết một bài nói trong tập báo, không thể rằng giữ hết mà toàn không nói động đến ai. Trước khi viết mà bất-đắc-dĩ phải có nói động đến ai, thực có riêng vô lượng đê-hồi, tâm-sự ấy khó cùng ai rãi tỏ.

Thôi nhưng, đã là người trong báo-giới, thời phải làm việc trong báo-giới ; trình-độ Báo-giới của nước nhà hiện nay mới đến có như thế, thời phàm là người trong Báo-giới, trình-độ cũng đều mới đến có như thế, cũng không cần phân-biệt ai với ai như sao. Cứ như lời trong nguyên-thư của Tiên-sinh, kể cũng hơi là đa-sự.

* * *

Trong thư Tiên-sinh có bảo tôi gửi cho bức *ảnh*, tôi xem đến chỗ đó, lại nhớ đến người đời xưa cùng ngồi đối nhau mà có câu : 何必見吾面 (*hà tất kiến ngô diện : cần gì phải trông thấy mặt tôi*). Hai người cùng ngồi đối nhau mà không cần trông thấy mặt ; huống-chi ngoài nghìn rặm, sao Tiên-sinh cần vậy làm chi !

Tôi từ năm 22 tuổi trở về sau tới nay, không có chụp ra cái ảnh nào cả ; cái ảnh đã chụp trong năm 21 tuổi, mà có bài đề ảnh còn lại, thời mờ nát đã lâu. Trong khi tôi ra Tạp-chí ở Bờ-Hồ, có tiếp bức thư của một cô *nữ-học-sinh* ở Huế, người *Quảng-điền, gare Văn-Xá*, có nói truyện muốn tôi gửi cho một bức ảnh, trong khi đó tôi chưa có trả lời. Lại thấy ở lời thư, cô nữ-học-sinh ấy nói chuyện rằng : có người trỏ cho cô ta một bức ảnh ở trong một hiệu buôn ở Nhatrang mà bảo là ảnh tôi. Câu truyện thật buồn cười ! Tôi có từng qua lại Nhatrang nhiều lần, thường ở chơi Mộng-Lương thư-quán là chỗ hiệu bán sách và chụp ảnh ; song mà chưa từng có ảnh để lại đó bao giờ. Vậy thời câu truyện ai nói đó, chẳng qua là một sự khôi-hài ; mà cô nữ-học-sinh trường Huế là ai, có lẽ vẫn bán tín bán nghi từ ấy đến nay vậy.

Tôi nghĩ như một sự chụp ảnh-chẳng qua là muốn truyền ra một bức ráng-điệu và tinh-thần. Tinh, thần có truyền được hay không, thời về phần ít; ráng-điệu mà truyền được thời về phần nhiều. Cứ như tôi thì ráng-điệu và tinh-thần trong khoảng 10 năm nay, đã gửi cả ở cái hình vẽ « *người gánh* » in ở sau bìa Annam tạp-chí trong lúc in ra ở hàng Lọng và sau các bìa sách của Tản-Đà thư-cục bấy lâu nay. Vậy nếu Tiên-sinh có lòng yêu nhau, xin cứ mua cho một quyển sách của Tản-Đà thư-cục mới in ra đây, tức là có một tôi ở bên chỗ ngồi ; nếu lại mua cho một quyển nữa, tức là có hai tôi ở bên chỗ ngồi... Trà dư tửu hậu, nguyệt bạch phong thanh, tương đối nhau cũng là đủ ; can chi phải cần một cái ráng-điệu do phong-trần bôn tẩu, ưu-tư trác phạt, mà hôm mai đổi khác, tháng ngày suy hủ mãi ru ?

Trong thư Tiên-sinh lại có nói truyện muốn đưa tôi coi lại *tập thơ* và viết một bài tựa, chỗ đó càng tỏ rằng Tiên-sinh có lòng quá yêu ; song về phần tôi nghĩ thực khó biết đối-phó.

Nếu đã nhận tập thơ của Tiên-sinh gửi đến, không nhẽ cẩu-thả mà coi đi cho qua ; nếu coi cho được tường-tế để bàn cùng Tiên-sinh chữ kém câu hơn, thời không phải dùng ít thì giờ có thể đủ. Nếu nhận mà để đó, thủng-thẳng xem

dẫn, sợ đối với sự xuất-bản của Tiên-sinh lại chỉ là có lỗi. Như vậy thời sự nhận lời của Tiên-sinh, rất là không tiện cho phần tôi. Nếu từ-tạ mà không nhận, thời việc đời xử-trí như thế dễ lắm, song lấy chi đối đãi vơi người xa. Vậy thời không nhận lời của Tiên-sinh, cũng là không thỏa cho phần tôi. Cho nên tôi lấy làm một sự khó đối-phó.

Hãy nói như nhận tập thơ để coi lại, để cùng Tiên-sinh đàm-luận riêng, còn tự nghĩ lấy làm khó. Lại như viết bài tựa, tức là có biểu ra với một phần công-chúng, nghĩ lại là khó thay! Nếu nhận lời của Tiên-sinh, thời chỉ là tự đem lấy cái khó vào mình; nếu không nhận lời của Tiên-sinh thời lại là cô-phụ thịnh-tình mà không lấy chi đối đãi với người xa vậy. Nhận không dám nhận, chối không dám chối, vậy thời có trả lời cũng như không trả lời. Tuy vậy mà có trả lời vẫn hơn không, hơn vì không phải vô tâm đối với bức thư gửi lại ấy.

Nay xin Tiên-sinh hãy tạm biết cho là tôi đối với bức thư của Tiên-sinh thật không phải dám là vô-tâm; về phần tôi cũng được yên tâm rằng thực đã có một bức thư trả lời người xa.

Mây nước tuy xa, tháng ngày còn rộng; ngư nhàn lai vãng, trên văn-đàn còn nhiều lúc gặp nhau.

Kính chúc Tiên-sinh an hảo.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

bái phục

THI ĐÀN GIẢNG TẬP

Cùng ông Phạm-văn-Nghị, bài « Vịnh Triệu-Ẩu »

(Coi lại mục văn-đàn của Bản-chí Phụ-trương số 42)

Trong tờ Phụ-trương số 42, Annam tạp-chí có đăng bài giảng-tập của ông *Phạm-văn-Nghị*, Giáo-học Trà-cổ ở Moncay, giảng về bài thơ « **Vịnh Triệu-Ẩu** » của ông *Dương-bá-Trạc*, hiện chủ-bút Văn-học tạp-chí ở Hà-thành. Ý-kiến kẻ giữ mục Văn-đàn đối với bài giảng-tập ấy có những chỗ đồng dị như sao, xin cũng tường-thuật trong kỳ đây, tức là «có kẻ nói đi, có người nói lại» vậy.

. . .

Trong bài giảng-tập ấy, cùng ông Phạm-văn-Nghị mà tôi có chỗ biểu đồng-tình, là thuộc về ba chữ đầu đề, ông Nghị cho rằng: « nghe không được trang-trọng; » tôi nghĩ cũng thật là *không được trang-trọng*. Ý ông Nghị muốn đổi là «*Triệu Bà-vương* »; tôi thời nghĩ như cái đầu bài này, chỉ đặt ba chữ « *Vịnh bà Triệu* » là phải.

Ngoài ba chữ đầu bài ấy, nói xuống trong bài thơ, ý-kiến tôi cùng ông Nghị thực không khỏi có nhiều chỗ khác nhau, xin cũng giải tỏ như dưới:

Lời tổng-bình của ông Nghị viết ngay ở đầu, đối với bài thơ ấy rằng: « *Bài thơ đó kể là một bài thơ rất hay* ».

Nói riêng về các câu, thời như hai câu **nhất, nhị**, ông phê rằng: « *Câu đầu khởi lên rất là đột-ngột kỳ-khôi mà đắc thể; câu thứ hai chuyển xuống rất khéo, rất xứng-đáng là câu thừa* ». Cứ tôi xem ra thời như hai câu thơ ấy, nếu để cho ai mượn mà *vịnh hai bà Trưng* thời dẫu tuy không lấy gì làm hay, song cũng là hợp nghĩa. Vì «*bà Trưng quê ở châu Phong* », tức là miền *Sơn-tây Vĩnh-yên* nay, thời Thi-gia có muốn dùng những chữ « *khí thiêng Lồ Tản* » để vịnh, thực là hợp. Đến như bà *Triệu* là người ở trong núi quận *Cửu-chân*, tức là về miền Thanh-hóa nay, cho nên nay ở miền Thanh-hóa còn có đền thờ bà Triệu (*làng Phú-điền*). Vậy mà ông cử Dương-bá-Trạc dùng hai chữ «*Lồ Tản*» để khởi đầu lời vịnh, thật là «*đột-ngột*»! Ông giáo Phạm-văn-Nghị giảng giải, khen là rất hay, lại thật là «*kỳ-khôi*»! Đó là câu thứ nhất. Đến như câu thừa, cần phải ra đến chữ chính trong đầu đề, mới là xứng địa-vị. Cho nên như hai câu thơ đó, vịnh bà Triệu thời rất là không đắt; nếu đem vịnh bà Trưng, cũng chỉ là hợp nghĩa thông lời mà thôi, bảo rằng hay thời có khi chưa thấy cái hay vậy.

Hai câu **tam, tứ** ở trong bài thơ ấy, thực rõ là vịnh bà Triệu, thực xứng là hai câu thích-thực, nghĩa là không thể đem mà vịnh người khác; lời thơ lại cũng vùng-vẫy, thực tả được cái uy-phong thái-độ của một vị Nữ tướng-quân, tưởng như trong lúc còn sinh-thời mà tới lui ở nơi chiến-trận vậy. Như hai câu ấy, thật là hai câu thơ rất hay!

Theo như lời giảng giải của ông Nghị thời ông không ưng câu thứ *ba*, muốn đổi chữ «*vú*» làm chữ «*kiếm*». Ông cho dùng chữ « vú », có hai nhẽ kém: một là không có *sự-thực*; hai là không được *thanh-nhã*. Cứ tôi cho lời giảng-luận đó, có khi quá *nệ* mà gần như là *nát*. Vịnh bà Triệu mà bỏ một chữ «*vú*» thời còn lấy chi cho nên thơ?— Nhà làm thơ với nhà viết luận-thuyết, sự-thể có khác nhau. Thường có những lời nhẽ, ý nghĩa, điển-tích, nhà luận-thuyết không được nói, mà nhà làm thơ được dùng. Như câu Đường-thơ của Tầu: — « *Hoàng-hà viễn-thượng bạch vân gian* »: — Sông Hoàng-hà xa chầy lên tận khoảng mây trắng ». Câu thơ viết như thế thời được, mà là hay, nếu bài luận-thuyết khảo về sông Hoàng-hà mà cũng nói như kia, thời sao có giá-trị. « *Chị Hằng chú Cuội* » là chữ riêng của nhà Thơ vịnh giăng; nếu nhà luận-thuyết muốn nói về Nguyệt-cầu mà lấy đó làm câu đáng tín, thời mới đáng là buồn cười vậy. Đó là nói về phần sự-thực. — Nói về thanh-nhã, thời như cái vú của bà Triệu, phàm người hơi có học trong nước hồ hết đều nghe truyện, coi như một sự-tích thần thánh; hai chữ « *thanh nhã* » tưởng không cần nghĩ đến làm chi. — Phạm Tiên-sinh muốn đổi chữ «*vú*» làm chữ «*kiếm*»: « *Vùng-vẫy non sông ba thước kiếm* ». Tôi e rằng không ra vịnh bà Triệu ở sử ta, mà ra vịnh ông Bái-công ở sứ Bắc (1) vậy.

Hai câu *ngũ lục*, toàn-nhiên không có chút giá-trị về sự giảng giải. Câu thơ như thế, chỉ nên kể là một hạng thơ ở *dưới bực tầm-thường*.

---

1. — Vua Cao-tổ nhà Hán (khi trước là Bái-công) tự nói rằng: «提三尺取天下 *đề tam sích, thủ thiên-hạ*. — cầm ba thước, lấy thiên-hạ ». Đó thật là ba thước kiếm.

Hai câu *thất bát*, thật là tầm-thường. Câu bẩy ở trên, nói vào các anh-hùng thất bại, như ông Đặng-Dung nước ta, ông Hạng-Võ nước Tầu, đều được cả. Câu tám, vịnh người anh-hùng mà nói đến ý *nghìn thu*, rất là tầm-thường.

Tóm lại, nguyên bài thơ của ông cử *Dương* chỉ có hai câu *tam, tứ* là hay ; mà có lẽ bắt đầu ông nghĩ được hai câu thơ ấy, rồi ông nhân đó đặt theo trên dưới cho thành bài. Sự đặt theo sau thời ông không dụng công, cho nên thành ra *lối* quá đến như thế. — Ông giáo Phạm đem bài thơ đó giảng giải, kể là một bài thơ rất hay, mà có câu hay thời ông không xứng ý ; có lẽ cũng là trong sự giảng giải đó thực ông không dụng công, cho nên kém phần sác-đáng vậy. — Nay tiếc vì hai câu thơ *tam tứ* trong bài ấy, tôi cũng xin nhân đó đặt theo cho đủ bài ; hay dở còn có các bạn trong Thơ-đàn cùng nhau giảng luận.

* * *

Vịnh bà Triệu

My-linh khuất bóng, gái còn ai?
Bà Triệu nhà ta cũng tướng-tài.
Vùng-vẫy non sông ba thước vú;
Sóng-pha tên đạn một đầu voi.
Duyên trần chẳng chút tơ vương mối.
Nợ nước riêng mình gánh nặng vai.
Thua được cũng cho Ngô biết mặt,
Lam-san còn có kẻ tài trai.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

CÙNG ÔNG BẠN ĐỘC-GIẢ QUI-NHƠN

(Nói về mấy dấu tiếng An-nam đối-chiếu sang dấu ở chữ Hán).

Mục Văn-đàn của Bản-chí số **41**, có đăng bức « *đồ chín âm và tám thanh tiếng An-nam* » là của một ông bạn Độc-giả ở Qui-nhơn gửi ra, tôi đã có lời giới-thiệu tường Độc-giả là một sự khảo thuật có giá-trị. Duy ý-kiến tôi đối với bức đồ ấy có một đôi chỗ hơi khác, nay cũng xin biểu bạch như sau.

* * *

Cứ sự học của tôi thấy ra, thời hai dấu *nặng, sắc* của ta, tức là *khứ - thanh* của tầu ; hai dấu *hỏi, ngã* của ta, tức là *thượng-thanh* của tầu. Cho nên ở chữ tầu, chữ nào để nguyên thời là *như - tự* 如字, không phải có đánh dấu ; còn những chữ có đánh dấu thời theo ở bốn góc chữ làm ghi, như :

Thượng — 上  去 — **Khứ**

Bình — 平 人 — **Nhập**.

Từ góc dưới bên tả đọc truyền lên, lại sang đến góc dưới bên hữu là hết : *Bình, thượng, khứ, nhập*.

Nay lại xin đem những chữ đã dẫn dụ trong số 38 (1), dẫn dụ lại như sau :

Bình-thanh — 聲 平
與 — Rư
朝 — Triều

Thượng-thanh — 聲 上
長 — Trưởng
予 — Dự

Khứ-thanh — 聲 去
稱 — Xứng
爲 — Vị

Nhập-thanh — 聲 入
說 — Duyệt
說 — Thuyết (như-tự)

Sự đánh dấu này cũng là chỉ thường dùng trong khi chấm sách dạy học mà thôi, kể cũng không cần nhận là một sự tất phải có. Song các tiếng **bình, thượng, khứ, nhập** thời cứ theo từ tả sang hữu, như thế mà nhận, mà chiếu sang các dấu ở chữ ta thời hợp nhau là thế.

Trong bức đồ của ông bạn Qui-nhơn thời cho dấu *ngã* của ta tức là *khứ-thanh* của tầu, dấu *nặng* của ta là *thượng - thanh* của tầu. Như vậy khác nhau, tất có một kiến-giải sai lầm ; xin Chư - tôn để ý tường xét.

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Xin coi lại ở mục Văn-đàn số 38.

THƠ

Đất khách nhớ người xa

Hồ hải lênh-đênh mấy hẹn-hò!
Phong-trần một bước một ngậy-ngô.
Con đường hiểm-hóc Keo ngơ-ngác,
Sườn núi gô-ghề Mán thập-thò.
Lả-tả đàn chim kêu xáo-xác,
Réo-ran giòng nước chảy quanh-co.
Ai về nhắn hộ tri-âm biết :
Non vẫn không mòn, bể chửa khô.

Hải-Hồn

Đêm vắng trên sông Cầu

(*Thái-nguyên*)

Sông Cầu trời điểm nét đan thanh,
Đêm tối riêng ai một mối tình.
Gió đập ngàn cây, cây thấp-thoáng,
Trăng in đáy nước, nước long-lanh.
Chùa Hang nghe vẳng chuông xa thẳm ;
Bến Tượng trông vời khách vắng tanh.
Một chiếc thuyền than buồm phấp-phới,
Con trèo tránh thác lượn loanh-quanh.

Mộng-Phi

Thơ gởi cho bạn

Nhớ người tri-kỷ cách ngàn dâu,
Tin-tức mần răng tự bấy lâu ?
Phần tớ chẳng no nhưng chẳng đói;
Ơn trời không mạnh cũng không đau.
Siêng cùng tùng cúc vui ngâm-ngợi,
Buồn với sơn khê kết bạn-bầu.
Lắm lúc ngẩn-ngơ tình tưởng nhớ,
Nhớ ai tri-kỷ cách ngàn dâu.

Q. T. *(Dalat)*

Đổi chỗ ở cảm-tác

Bốn bể mênh-mông chửa có nhà,
Chiếc giương theo khách khắp gần xa.
Đồ thư mấy quyển, giang-san đó,
Biết kiếm ai mà gánh hộ ta ?

Huy-Hạo

Phong thi

I Con sóng lòng rộng thênh-thang,
Khen ai đã khéo bắc ngang dịp cầu.
Cầu ngang tiện lối về đâu ?
Về qua Non-nước bạn bầu nước-non.

* * *

II Anh đi nhớ cảnh Ninh-Bình,
Vân-giang bến cũ, Hộ-thành núi xưa.
Non sông còn đó trơ-trơ,
Hỏi người Non-Nước bây giờ là ai ?

Nguyễn-Tử-Thuật

DỊCH ĐƯỜNG-THI

I.— Cổ biệt-ly

Dục khứ khiên lang y,
Lang kim đáo hà xứ.
Bất hân qui lai chi,
Mac hướng Lâm-Cùng khứ.

DỊCH

Muốn đi, kéo lấy áo chàng,
Hôm nay chàng định đi sang chốn nào ?
Chậm về thì cũng chẳng sao,
Lâm-Cùng xin chớ bước vào làm chi.

II.— Y-châu ca

Đả khởi hoàng-oanh nhi,
Mạc giao tri thượng đề.
Đề thời kinh thiếp mộng,
Bất đắc đáo Liêu-tê.

DỊCH

Phải ra mà đuổi chim oanh,
Đừng cho nó đậu trên cành mỉa-mai.
Làm cho kinh giấc mộng dài,
Hồn không được tới Liêu-tây với chàng.

Nguyễn-tiến-Bảng

(Thái-bình)

* * *

1. Muốn đi lôi áo chồng ta,
Hỏi xem chồng lại la-đà nơi nao.
Về khuya, ta chẳng rằng sao;
Lâm-Cùng chớ có sa vào mà chơi!

* * *

2. Ai ra đập cái vàng-anh,
Để chi nó cứ trên cành nó kêu.
Nó kêu mất giấc chiêm-bao,
Liêu-tê chẳng được em theo đến chàng.

Tản-Đà

Gửi chùm hoa lụa tặng ông Đông-Hồ chủ-nhân Trí-Đức học-xã ở Phương-Thành

Cành hoa trước gió đông thổi bạt,
Để cho ai ngày một trông chờ.
Phương trời khách luống ngẩn-ngơ,
Cánh hồng sao lại hững-hờ về đâu ? !

* * *

Nay nhận được hoa thu tái tặng (1)
Hoa héo khô, hương thoảng chưa phai.
Mầu hoa dầu chẳng còn tươi,
Hương hoa còn nhắc tình người phương xa.
Nghĩ nhớ đến kiếp hoa sẽ chạnh,
Nức vườn xuân một mảnh hồng-nhan.
Xuân về, hoa cũng héo tàn,
Nhìn hoa luống những bàn-hoàn tiếc thương.
Hoa kho héo long cang te-tai,
Đành không phương giữ lại xuân xanh!
Hoa trời tàn héo đã đành,
Này hoa nhân-tạo một cành xin dưng.
Trên cánh lụa mầu xuân còn mãi,
« Hoa cuối mùa » chẳng ngại nữa chi!
Xuân trời dầu hãy con đi,
Mà xuân trên cánh hoa kia vẫn còn.
Vườn Trí-Đức, xuân còn mãi mãi,
Khách lầu Nam, mai tối thong-dong.
Trăm năm giữ một tấm lòng,
Năm năm hương, (2) sắc ban cùng Đông-quân.

Lâm-nữ, Tàng-Phương *(Saigon)*
(Học-trò xa của Trí Đức học-xã) (3).

1. — Trước kia chủ-nhân Trí-Đức học xã có gửi tặng tôi một cành hoa mà nhà bưu-điện đánh thất lạc. Nay chủ-nhân lại gửi cho cành hoa cúc nữa cùng với tập « Bông hoa cuối mùa » cùng tiếp một lượt. Phàm trong bài có khi nói về hoa cúc, có khi nói về « bông hoa cuối mùa » không nhất định.

(2) Hoa lụa mà có hương vì trên cánh có ướp các thứ nước hoa.

(3) Trí-Đức học-xã, trường tư-thục có dậy Quốc-văn theo lối hàm-thụ (par correspondance).

LỤC BÁT

Trong Văn-Đàn có tiếp một bài lai-cảo điệu lục-bát, ở Haiphong gửi lên. Tác-giả có thư tự nói là muốn đặt lấy đúng vần, như trong lời đàm-thuyết số 36. — Xét ra còn đôi chữ vần chưa được thật đúng, song kể thực đã là công-phu. Lại xét về văn-lý thì văn-chương cũng hay mà hoặc có phần bổ-ích đến phong-hóa. Vậy xin có ít lời giới-thiệu, mong các vị Độc-giả chớ ngại vì nhời văn có dài mà sơ-nhãng không để ý, thời là hậu-vọng của kẻ giữ mục Văn-Đàn vậy.

Sau đây, xin có lời thưa với Tác-giả, tôi hoặc có thì giờ hơi rỗi, sẽ xin để công sửa mấy vần chưa thật đúng và một đôi câu trong lời văn.

Nguyễn-khắc-Hiếu

* * *

Thương người để khó đến thân

Gian nhà lợp cỏ kèo tre,
Vách siêu mấy mảnh, chiếu che tối-tàn.
Cha con đứng thở ngồi than,
Tiền không gạo hết cơ hàn đến nơi.
Kinh-Lăng thừa hứng rạo chơi,
Qua trông thấy cảnh người đời đáng thương.
Dừng chân lại, hỏi cho tường,
— Cụ ơi, cụ nhỡ độ đường hay sao ?
Cửa nhà quê quán nơi nao ?
Phiêu-lưu đã tự độ nào đến nay ? »
Cụ già đứng giậy trình bày :
— Ngờ đâu tôi đến nỗi này, thưa ông.
Đi buôn lỗ vốn ngàn đồng,
Ngày qua tháng lại nay không còn gì.
Con tôi thi đỗ mấy kỳ ;
Hết lương ăn học mà thi nữa rồi,
Cũng toan soay nghệ làm bồi ;
Giặt là chẳng biết, dọn thồi không quen.
Ký, không đủ sức đua chen,
Không tiền dút-lót thân hèn nằm co.
Xin ông, ông đoái thương cho,
Giúp công, giúp việc nhỏ to chẳng nề ! »
Người con nét mặt ủ-ê,
Ngoài hai mươi tuổi, có bề thông-minh ;
Cười nửa miệng, sẽ nghiêng mình,
Cúi chào rồi kể cảnh-tình gian-lao.
Rằng : « Tôi gặp lúc ba-đào,
Tay không biết tính làm sao bây giờ.
Bốn bên không chỗ nương nhờ,
Lấy chi rau cháo qua cơ-hội này.
Muốn liều nay đó mai đây,
Tấm thân dành chịu đọa-dày phong sương.
Khổ vì một mối tơ vương,
Cha già em dại bước đường khôn chia.
Cũng tôi quá nghiệp, Xanh kia,
Đoàn-viên cũng khổ, tan lìa càng đau ! »
Nghe lời, lòng động mày chau,
Kinh-Lăng than : — chang gặp nhau từ hồi.
Quyền-hành còn ở tay tôi,
Dẫu sao cũng giúp được đôi ba phần. »
Nhờ lòng tương ái tương thân,
Mấy tuần sau đã được chân biên hàng.
Chẳng sang cũng lấy làm sang,
Tô-Giao ngày tháng đềnh-đàng tới lui.
Cảnh buồn đã hóa ra vui,
Người phong-hoa lại nhớ mùi phong-hoa.
Gần nhà một mụ đàn-bà,
Kinh-Lăng chị gái chồng xa chưa về.
Lấy lời ngon-ngọt rủ-rê,
Nông lòng nhẹ dạ mụ mê-mẩn đòi.
Cười cười nói nói lả-lơi,
Người đoan-trang đã ra người lẳng-lơ.
Khi gặp mặt, lúc đưa thơ,
Lửa tình đã bén làm mờ lương-tâm.
Chẳng bao, câu chuyện đồn rầm,
Kinh-Lăng nghe thoát ướt đầm mồ-hôi.
Nửa nghi nửa tin bồi-hồi,
Tìm *Tô-Giao* hỏi khúc-nhôi cho tường.
Rằng : — Từ gặp-gỡ trên đường,
Yêu vì học-thức mà thương hết lòng ;
Ra tay dìu-dắt khỏi vòng,
Tin yêu chẳng khác người trong gia-đình.
Ngờ đâu anh lại tư-tình... ?
Mà còn bưng-bít miệng bình mãi sao ?
Thưa : — Xin xét lại đã nao,
Chớ tin những tiếng đồn phao nói càn.

Chẳng may gặp lúc cơ-hàn,
Nhờ ơn giúp đỡ tạm an lúc này,
Coi bè bạn tựa chân tay,
Cương-thường đâu giám một ngày nhãng quên.
Ơn kia mong sẽ báo đền,
Tôi đây chẳng phải một tên vô-loài.
Đắn-đo chi nữa thêm hoài;
Giám mong chuyện đó bỏ ngoài chớ nghe.
Một lời mất cả bạn bè,
Miệng phường vô-loại ai che được cùng.»
Nghe lời có thủy có chung,
Ngờ đâu mặt hạng gian-hùng khua môi.
Mặt sao mặt bạc hơn vôi,
Mảnh gương trong bỗng đem bôi cho mờ.
Nắng lâu nước cạn bùn trơ;
Chị *Kinh-Lăng* rõ bây giờ có thai.
Chồng không, mà chửa với ai?
Chỉ *Tô-Giao* vẫn vãng lai sớm chiều.
Cùng nhau trộm dấu thầm yêu,
Quá mê còn nhớ chi điều giờ hay.
Đem bò gửi bọm, bò bay;
Thương người, người phẫn, buồn thay thói đời!
Kinh-Lăng tức giận bời-bời,
Gọi *Tô-Giao* mắng hết lời chua cay:
— Cứu ngươi trong lúc chẳng may,
Nếu không, thường đến ăn mày đã lâu.
Bao nhiêu học-thức để đâu?
Mà không biết nghĩ nông sâu thế à.
Nước trong nỡ bốc bùn pha!
Lừa người vào chỗ dâm-tà đáng ru?
Rõ-ràng mặt đứa gian-phu,
Thế là ngươi đã đền-bù công ta!»
Một cơn gió táp mưa sa,
Cương-thường luân-lý nước nhà đảo-điên.
Trông đời súc-động lòng phiền,
Đem việc trước mắt chép thiên văn vần.

Phạm-Nghiễm

局書沱傘

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC

Việc bán sách

I — Sự bán lẻ sách gửi đi các Ngài ở nơi xa mua coi, Bản-cục xin định có những thể-cách như dưới:

1. — Phàm các sách của Bản-cục gửi đi, không cứ nhiều quyển hay một quyển, đều theo cách gửi có đảm-bảo.

2. — Đối với các Ngài mua lẻ, mỗi bận gửi, từ 1 quyển đến 5 quyển, tiền cước-phí xin chỉ tính là 0p.10

3. — Theo cách phương-tiện dẫn dị, ngài nào muốn mua quyển nào, xin coi giá bán tường kê ở quảng cáo, chiếu giá sách và tiền cước thêm 0$10, gửi luôn cho bằng «*tem thư*», kèm theo giấy mua sách.

4. — Gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*» Contre Remboursement.

5. — Những Ngài nào muốn cho Bản-cục được theo tiện-nghi, phàm có quyển nào mới in ra, sẽ cứ gửi tip, tiền thời các Ngài gửi cho làm từng lúc cho tiện; như vậy, xin có thư cho biết tường sự giả tiền thời cứ lấy một đồng bạc (1$00) làm cữ.

II. — Các sách của Bản-cục, ít gửi bán tại các tỉnh, các nơi xa. Các Ngài có thư-quán mà có lòng yêu mua buôn, xin tính định giá-cả như dưới:

1. — Không cứ một thứ sách hay nhiều thứ sách cộng tính, Ngà nào mua buôn từ 20 quyển giở xuống, tính trừ 20%.

Ngài nào mua tới 50 quyển giở lên, tính trừ 30%

Xin miễn có lời hỏi mà-cả.

2. — Phàm việc bán buôn của Bản-cục gửi đi các Ngài ở nơi xa, xin đều gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân*». Contre Remboursement. Cước-phí ht bao, nhan hitấ về Bản-cục nhận chịu.

* * *

Những sách tiếp tục in ra xin coi ở Quảng-cáo bìa sau.

* * *

Những Thư-quán đã có bán sách của Bản-cục:

Hanoi — **Có bán khắp các hiệu sách.**

Nam-định — **Hội-Ký** Carreau

Phủ-lý — **Phú-Mỹ** R. Principale

Hai dương — **Lương-Xuân** R. Commerce)

Hai-phòng — **Hương-Hát - Nam-Tân** — (Bonnal)

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
Kính bạch

Lư-Thoa tự-thuật

Dịch-giả «Lư - thoa tự - thuật» *vốn từ mấy số trước đã phải cậy Mai-khê tiên-sinh giúp đỡ cho, việc dịch sách mới khỏi trì-hoãn; nay bận việc, phải xin phép cùng các bạn đọc* «Lư - thoa tự-thuật» *hãy cho nghỉ ít lâu để chỉnh - đốn lại những chương sau và dịch thêm sẵn nhiều chương, cho sau này sẽ có nhiều văn dịch đăng luôn, khỏi phụ lòng độc - giả. Công - việc làm văn bề-bộn, ép phải thế, xin độc-giả thể-lượng.*

Vả nhân khi nghỉ đăng bài ở tạp-chí đó, ông Nguyễn - tiến - Lãng sẽ nhuận-chính lại một đôi tập văn mà ông đã viết, như là bộ Yên - bái phong-tục-ký *và* Du-ký Angkor (Đế-thiên Đế - thích) *để sẽ đem công-hiến bạn độc-giả An - Nam tạp-chí. Vậy nghỉ mà kỳ thực là nghỉ để lo tính cho cái duyên - văn càng được vuông-tròn khăng-khít... mà chẳng bao lâu nữa, sẽ lại có cả «Lư-thoa tự-thuật»,* Du-ký Angkor *và «*Yên-bái phong-tục-ký*» ở trên tạp - chí An-Nam.*

A. N. T. C. kính cáo

Bạn đồng-nghiệp phố Hàng Bông
đã ra đời

Văn-học Tạp-chí, mỗi tháng ra một kỳ, đã xuất-bản số một. Tạp-chí khuôn-khổ kiểu mẫu giống như Revue des Deux Mondes, chuyên khảo-cứu, bàn-soạn và giảng - giải văn-chương, lại thêm 16 trang dạy tiếng Ăng-lê, tiếng Tàu và 8 trang Từ-điển. Bảo-quán ở phố Hàng Bông, số nhà 193, chủ-nhiệm là ông Dương-tự-Quán, chủ - bút là một tay kỳ-cựu trong làng báo: ông cử Dương-Tuyết-Huy. Ngoài ra, lại còn ông Dương-tự-Nguyên, ông đầu-sứ Dương-trọng-Khiết, ông giáo Dương-quảng-Hàm và ông Sở-cuồng Lê-Dư giúp việc biên-tập. Giá báo: mỗi số 0$35, một năm 4$00.



CHUYỆN TRẺ CON

ANH CÒNG VÀ ANH MÙ

(Các cậu bé thường phàn-nàn A. N. T. C. không có phần nào dành riêng cho các cậu, vậy xin chiều ý thỉnh-thoảng tặng các cậu một chuyện nhi-đồng).

***

Bên ngoài, giời mưa phùn, gió bấc thổi hi-hút. Trong nhà, ngọn đèn dầu vặn nhỏ bằng hột đỗ le-lói trên mặt bàn. Trên chiếc giường giải gianh, chúng tôi nằm chùm chăn bông nghe bà tôi kể chuyện cổ-tích.

Cái cảnh ấy còn như in trong trí nhớ của tôi, mỗi khi tôi tưởng đến lòng lại ngùi-ngùi tiếc cái tuổi sướng nhất trong đời, cái tuổi chỉ có ăn chơi, không có lo-nghĩ, cái tuổi được quấn-quít trong lòng bà tôi và cha mẹ tôi.

Tôi thích nghe bà tôi kể chuyện cổ-tích lắm, mà câu chuyện tôi thích nhất là chuyện « anh Còng và anh Mù ».

***

Ngày xưa, một anh Còng đương lũ-khũ cúi dạp cầm xuống đất đi quanh tìm cách sinh-nhai, bỗng gặp một anh Mù. Anh Mù này người vạm-vỡ khỏe-mạnh lắm, đương dò-dẫn bước bên đường.

Anh Còng cất tiếng gọi :

— Anh Mù ơi anh Mù, anh đi đâu đấy?

— Ai đấy? Anh Còng đấy à? Tôi đi kiếm ăn đây!

— Thế tôi cũng đi kiếm ăn đây, thôi, hai anh em ta cùng đi với nhau, hễ tôi bắt được cái gì thì anh cầm hộ nhé.

— Được, vậy thì hay lắm!

Thế là hai anh Còng, anh Mù thành bạn thủ-túc, nếm mật nằm gai, nỗi cay đắng cùng nhau chia sẻ. Hôm ấy, đương đi, anh Còng chợt thấy cái cầy, cất tiếng gọi bạn:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh vác lấy cái cầy này!

Anh Mù vác cầy lên vai, một lúc sau lại thấy anh Còng gọi :

— Anh Mù ơi anh Mù, anh vác lấy cái bừa này!

Anh Mù lại è cổ vác lấy cái bừa, tuy hai vai cùng nặng nhưng tấm lòng thấy nhẹ thảnh. Rồi lại thấy tiếng anh còng gọi:

— Anh Mù ơi anh Mù, anh xách lấy con ba-ba này!

Anh Mù xướng quá, anh em hôm nay được bữa chén ngon. Nhưng nào đã hết đâu, anh Còng còn kêu :

— Anh Mù ơi anh Mù, anh cầm lấy quả trứng vịt này nữa.

Thế còn nói chuyện! Ba-ba, trứng vịt, bữa chén khá ngon. Thế mới thực là kiếm ăn chứ!

Rồi đi một quãng nữa, anh Còng thấy trước cửa đình làng kia có một cô con gái với con lợn trói ở gốc cây bàng, người và vật rên i-ỉ . . . Anh Còng chạy đến hỏi :

— Cô ơi! làm sao cô bị trói thế?

Người con gái thấy hỏi, ngẩng mặt lên, dòng-dòng hai hàng nước mắt trả lời một cách thảm-thiết rằng:

— Làng tôi thờ một ông hổ, cứ lệ mỗi năm, ngày này, phải nộp ông một người con gái và một con lợn để ông ăn thịt, không có làng bị tai-hại rất to. Tôi với con lợn này chỉ nửa giờ nữa là nằm trong bụng hổ.

Nói xong, cô con gái gục đầu xuống khóc rũ-rượi. Động lòng thương, hai người bèn cởi trói cho cô con gái trốn đi, khuân con lợn vào đình, đóng cửa đình lại, ngồi đợi.

Lúc ấy, trong lòng hồi-hộp, hai người thì-thào bàn-bạc cùng nhau, bỗng thấy tiếng hổ gầm rung-động cả đất.

— Hầm! Hầm... ầm. . . ầm!

Hổ ta về không thấy mồi, gào thét inh-ỏi, tức lắm, muốn nhảy qua rặng tre vào sé sạc lũ hỗn-sược trong làng. Bỗng trong đình, thấy tiếng người thét:

— Tao là tướng nhà Giời, Giời sai tao xuống giết mày đây!

Hổ nghe tiếng thét dã hơi giật mình, bỗng lại thấy nói :

— Này tao cho mày xem hàm răng tao đây này!

Qua khe cửa, hai người chìa hàng răng bừa ra, hổ trông thấy sợ mất vía.

— Này tao cho mày xem cái lưỡi tao đây này!

Họ lại chìa cái lưỡi cầy ra, hổ run lên lẩy-bẩy.

— Này tao cho mày xem con dận của tao đây này!

Bỗng ở dưới ngạch, con ba-ba trông như con dận « hồng-lồ » bò ra lồm-ngồm, cổ ngoài ra dài đến gang tay.

— Này tao lại cho mày xem cái trứng dận của tao đây này!

Bỗng một quả trứng lớn bằng quả ổi ném văng ra, lòng trắng lòng đỏ chảy l nh-láng. Hổ ta nhìn sợ quá, đứng ngẩn một lát, chợt lại thấy hỏi :

— Thế mày có gì lạ đưa cho tao xem?

Hổ đáp : — Tôi chẳng có gì lạ, chỉ có cái đuôi thôi!

— Vậy mày đưa qua ngạch cửa tao xem!

Hổ thò đuôi vào trong đình, ngó-ngoáy. Anh Còng sướng quá nắm chặt ngay lấy miệng gọi rối rít :

— Anh Mù ơi anh Mù, anh nắm chặt lấy đuôi nó!

Anh Mù nghiến răng giữ thật chặt. Anh Còng mở cửa đình ra, lấy răng bừa chẹn vào cổ Hùm, cho « anh-chàng » ba bắp cầy vào sọ, « anh-chàng » chết thẳng cẳng nhăn răng.

Lập tức hai anh hồi trống đình, các cụ trong làng kéo nhau ra lũ-lượt, ai cũng vui sướng ngỏ lời cảm ơn :

— Chúng tôi chả có gì tạ các ngài, thì có con lợn đấy, xin sai đàn em làm thịt các ngài sơi.

Cái nghề bạn-bè đời nào cũng vậy, (đây là nói thứ bạn cùng nhau đi kiếm ăn) lúc khổ thì cùng nhau cùng chịu, nhưng lúc mát mặt, lúc có miếng ăn lại phần nhau ngay. Anh Còng nhờ giời có mắt tinh, bao nhiêu miếng nạc trọn sang mâm mình hết cả. Anh Mù đói ngấu, vào ăn gập toàn xương, nuốt vội nuốt vàng thế nào bị hóc miếng xương chối. Bị hóc, đỏ cả mặt, phùng cả mang, nuốt không vào, khạc không ra, chợn mãi mắt, thế nào đứt màng quang mộng, anh Mù lại trông được.

Mở mắt nhìn ra đời thấy đời mà chán. Thấy bạn là người phản-trắc, anh Mù giận quá xông lại vít cổ bạn xuống mâm thịt nện cho ba cẳng tay, anh Còng nằm soài lưng thẳng đuỗn.

Thế là anh Mù mở được mắt, anh Còng ngay được lưng, hai anh chia tay mỗi anh đi kiếm ăn một xứ.

Ngọc-Tỉnh

Bạn đồng-nghiệp phố Nhà Thờ tiến!

Ra hàng ngày, bao *đông tây!*

Ngài, độc-giả *đông tây*? Ngài *bởi vậy* có quan-hệ trực-tiếp với *nó*. *Nó* mạnh? cơ-quan *của ngài* mạnh!

Ra gánh việc công, trải bốn xuân-thu *(thơ!) đông tây* giữ cái hồn.

Cái hồn?

Trong-sạch, cứng-cáp! *nó* nói thế!

Phải tiến nữa!

Các ngài dục?

Nó tiến nữa rồi đấy!

Các ngài *bởi vậy* phải nuôi *nó*, giúp *nó* — chúng tôi *bởi vậy* phải mừng cho *nó*. Duyên tri-ngộ bấy lâu khăng-khít (lại thơ!),... Cuộc tương-lai tốt đẹp ở ai nào?

Thơ mãi! Dườm-dà! Xếp! Nói gọn: Cùng tiến, bạn, nhé! Tiến lên, chúng ta!

Chờ!... **Đậu-nhứt-Hổ**

PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI CÔNG-VIỆC XÃ-HỘI

Người đàn-bà xưa nay, vẫn loanh-quanh trong trốn gia-đình, lấy chồng làm đất giời, lấy công-việc nuôi con, nấu bếp, vá may làm bổn-phận, trừ ra không còn biết một tí gì bên ngoài cánh cửa buồng the nữa. Dù có được ra ngoài trông coi đồng-áng, buôn ngược bán xuôi mặc dầu, người đàn-bà cũng không thể được tự-chủ, bao giờ cũng phải dựa vào chồng như cái giây leo phải bám vào giàn. «Gái có chồng như nón có quai, như thuyền có lái».

Cái đó, không phải là ai xếp-đặt gây-dựng nên, mà chính là một sự tự-nhiên phân-trách. Theo sinh-lý, người đàn-bà tính-chất thường nhu-nhược, giầu về cảm mà kém về trí, sức lại yếu, người đàn-ông tính-chất thường cứng-cỏi, mạnh về trí mà ít cảm, sức lại khỏe, cho nên người đàn-bà giầu lòng từ-thiện, khéo tỷ-mỷ giữ những công-việc nhỏ-mọn trong nhà, mà người đấn-ông thì tính-tình mạnh-dạn tự gánh lấy những công-việc nặng-nhọc bên ngoài, cùng đời ganh đua kèn-cựa cho nên lúc chia trách-nhiệm người đàn-bà giữ lấy công-việc trong gia-đình, mà người đàn-ông gánh lấy công-việc ngoài xã-hội; cho nên người đàn-bà khăng-khít dựa vào người đàn-ông, mà người đàn-ông lúc ấy lại tự nhận lấy nghĩa-vụ phải che-chở cho phái yếu.

Rồi các nhà luân-lý theo cách sinh-hoạt của xã-hội định ra mối giường, lấy thuyết «tam-tòng» làm khuôn phép cho đàn-bà con gái.

Rồi tập-quán di-truyền đi mãi mãi, người đàn-bà như con thuyền mà người đàn-ông là lái, người đàn-bà là giây leo mà người đàn-ông là cái cọc, cái giàn; trí người đàn-ông thì rộng-rãi bao-la, mặt bể chân giời, mà lòng người đàn-bà thì chỉ có ông chồng, tam-tòng tứ-đức; người đàn-ông thì đeo nặng những trung, hiếu, tiết, nghĩa, người đàn-bà thì chỉ có một chữ trinh. Xã-hội cứ êm-đềm sống mãi như thế.

Nhưng thường mãi tất phải biến, cái lẽ phải nam ngoài không còn là lẽ phải năm nay.

Cái biến của cuộc đời, thường gây nên bởi kinh-tế. Vì kinh-tế quẫn-bách, người đàn-ông không thể một mình gìn-giữ vợ con trong cảnh thư-nhàn được nữa, người vợ tất phải bỏ bễ công-việc «nội-trợ» mà bon ra chỗ vật-lộn kiếm thêm tiền. Từ đấy, dần dần đàn-bà ra gánh-vác công-việc ngoài đã thành thói quen, công việc ấy cũng nặng-nhọc, cũng khó-khăn không kém gì người đàn ông, nhưng theo cái tập-tục từ xưa, người đàn-bà vẫn phải ở dưới quyền che-chở — có thể gọi được là cai-quản — của chồng, vẫn không được tự-chủ.

Song le nhàm đã đồng đẳng tất phải bình-đẳng, đã có sự ganh-đua nhau trong cuộc sinh-hoạt, tất không thể nhường nhau ở chỗ lợi-quyền, cho nên thuyết «nữ-quyền» mới khởi-xướng.

Vả lại, bây giờ chủ-nghĩa xã-hội nặng, chủ-nghĩa cá-nhân, gia-đình nhe dần đi, số đông người đều biết quý nhân-quyền mà tự coi mình là có nghĩa-vụ với xã-hội, cũng bởi vậy mà thuyết «nữ-quyền» bồng-bột.

Thuyết «nữ-quyền» xướng, bao nhiêu người họa, nhất là sau hồi đại-chiến người ta thấy rõ đàn-bà làm được nhiều việc giỏi, phong-trào nữ-quyền từ đấy rất sôi-nổi ở phương Tây. Tới đây, trình-độ chị em phương Tây đã cao lắm rồi, những điều họ yêu-cầu bây giờ khác với điều chị-em ta bàn ở bên này nhiều lắm. Trong buổi giao-thời, đời không yên, tư-tưởng người đời rối loạn, cái nhầm-nhỡ dễ sảy ra luôn, sóng cả thuyền nan, không tay buồm lái, cho nên phong-trào «nữ-quyền» tràn sang đất nước Nam-Việt chỉ làm cho người ta thấy hại nhiều mà lợi ít, các nhà thủ-cựu cứ vin vào chỗ nhược-điểm mà chê hoài!

Lọc lấy tinh-túy cũ, trọn lấy tinh-túy mới, ngõ hầu tìm được ra chân-lý để làm phương-châm cho chị-em nhà, gần không hóa ra ngông-rởm, xa không bỏ mất tinh-thần gái nhà Nam, chúng ta còn mong ở công-việc làm dần, cùng các bậc cao-minh chất-chính. Dưới đây, chẳng dám lạc ra ngoài đề, xin lấy lý-thuyết bàn cho rõ rằng người đàn-bà ra gánh vác công-việc xã-hội thực rất hợp lẽ phải.

Ta thử ngẫm xem, người đàn-bà há chẳng phải là một người trong quốc-dân hay sao? Há chẳng phải là một phần tử trong xã-hội hay sao? Vậy thì người đàn-bà phải có đủ cả quyền-lợi, nghĩa-vụ như người đàn-ông mới phải.

Bảo rằng đàn-bà thường nhu-nhược nông-nổi không làm được việc như đàn-ông, nhưng cái tánh nhu-nhược nông-nổi ấy không phải là hết thảy đàn-bà ai cũng có, vậy không thể tách toàn-thể phụ-nữ ra ngoài công-việc xã-hội được. Vả lại tư-cách còn khuyết-điểm, thực tại lịch-duyệt và học-thức chưa được nhiều. Đàn-bà xưa nay cứ bị nhốt trong phòng khuê không có một tý gì là xã-giao báo-lịch-duyệt sao được? Đến cái học-thức, thật hiện nay phần nhiều chị-em cũng chưa được hưởng như các bạn đàn-ông. Mọi việc xã giao, học-vấn, chị em bị chế-độ gia-đình và dư-luận xã-hội làm ngăn-trở nhiều lắm.

Nếu bảo không thể làm được, thì sao những người đàn-bà đảm lấy phải ông chồng ngu-đần vẫn gánh vác công-việc làng nước, nuôi chồng nuôi con như thường. Nói quá ra thì những bực anh-thư, múa kiếm phất cờ, những tay nữ-sĩ phun châu nhả ngọc, ta thấy hiển-nhiên không phải không có, chẳng qua chỉ vì chị-em bị bo-buộc nên những tay quần-thoa xuất chúng hiếm có đấy thôi.

Cảnh bo-buộc ấy không nói đâu xa, ta thường thấy hiện ra trước mắt. Như mới đây, một vụ án xảy ra có một người đàn-bà làm chủ-động, mà «chung-quanh vụ án ấy», một tờ báo đạt ngay một câu hỏi rất ấy-náy: «Có nên cho đàn-bà đi học không»? Thế thì biết bao vụ án rất xấu xa mà đàn-ông là chủ-động, sao ai không hỏi nốt: «Có nên cho đàn ông đi học nữa không?»

Trước mắt xã-học, nếu người đàn-bà được coi như đàn-ông, việc của người đàn-bà làm dùng ai lấy làm lạ nữa, thì cảnh sinh-hoạt tất cũng có thêm phong-thú được nhiều.

Cô Hồ-Xuân-Hương qua đền Sầm-thái-thú, cảm-súc ngâm thơ rằng:

« Ví đây đổi phận làm giai được,

« Sự-nghiệp anh-hùng há bấy nhiêu »?

Thì tưởng lòng cô đau-đớn cho tập-tục xã-hội biết bao? Tại sao người ta lại tách hẳn nửa số nhân-loại, khóa vào buồng the, còn giao bao nhiêu công-việc cho một nửa số người làm, bất kỳ hay hay dở? Sao chẳng để cho nam nữ cùng nhau ganh tài đua trí, tìm lấy người giỏi mà cho gánh lấy trách-nhiệm, chẳng là thêm được nhân-tài đó ru? Cái người đàn-bà tài giỏi xuất-chúng thật khó làm được người mẹ hiền dâu thảo, vì trí-khí của người ta bao-la rộng-rãi, nếu đem dam vào khuôn phép cổ thực là vứt-bỏ hiền-tài.

Có nhiều ông lên dọng khôi-hài: «Chúng mình phải học nấu cơm vá áo đi mới được!» Theo ý hẹp, cái đó thực không lạ, nếu ông là chồng mà ông hèn kém, thì mời ông về nấu cơm cho, càng hay. Xã-hội cần *« người tài-giỏi »* chứ không phải là cần *«đàn-ông»* gánh-vác công-việc.

Lại có ông đỗ các bà một cách rất khéo: «Các bà cứ ở nhà dạy con cho thành người, sau đây chúng nó giúp được việc xã-hội, thế cũng là các bà gánh một việc lớn của xã-hội đó!»

Nghe thì phải lắm, nhưng xét ra: dạy con là bổn-phận của cả hai người làm cha mẹ, huấn luyện thiếu-niên lại là bổn-phận của xã-hội rồi, còn cái trách-nhiệm cái quyền lợi của một phần-tử của quốc-dân mà chính người đàn bà kia được hưởng thì nào có thấy?

Đã có chỗ kém ấy, tất phải có quyền đòi, còn đòi những quyền gì, một bài này thực không đủ nói. Song tóm lại, những quyền mà mấy cô gái «quá mới» vẫn đòi đó, thường làm cho bại-hoại phong-hoa, thực rất nên bài-trừ. Ta chớ nên vin vào đấy mà bài-bác.

Đinh Huy-Hạo

THẾ LÀ MỢ NÓ ĐI TÂY

A bord du Chantilly, le 10 Déc. 1927

Cậu,

Trời ơi, thực là tôi để lụy đến cậu! Nếu biết trước rằng cảnh ly-biệt nó sé tan nát gan ruột tôi như thế này, thà cứ chịu ở nhà dạy học, đỡ cậu mỗi tháng ba bốn chục bạc lương, thì được gần-gụi gia-đình, sớm tối vui thú với cậu, với con, việc gì đòi xuất-dương du-học đến nỗi bây giờ vất vả-một mình, thân gái dặm trường, khóc thầm với bóng!

Từ lúc còi tầu chạy xa, nhìn vào bờ chỗ cậu đứng bế con chỉ còn thấy cái mùi xoa bay phấp phới mà thôi, thì tôi bồi hồi tấc dạ, giọt-lệ khôn cầm, tâm-sự ấy bút nào tả xiết! Chỉ tiếc ngày thường chẳng chịu nghiên-cứu văn-chương An-nam để làm một bài thơ kỷ-niệm lúc biệt-ly!

Vào đến buồng, nằm lả trên giường, không buồn dậy nữa. Đã toan lấy bút ghi chép mấy câu vào quyển sổ tay, nhưng thảm quá, nước mắt đã dàn-dụa, thổn-thức không nghĩ ra câu nào mà viết! Cậu ơi! cậu có làm thế nào cho tôi đỡ nhớ không?

Nhưng nay biết làm thế nào bây giờ? Con tầu ác-nghiệp nó cứ mỗi lúc một làm cho mình xa nơi xứ sở thân-thích, rồi nó lại che kín bằng bức màn xương. Nghĩ lại lúc mới cạo răng mà mặc bộ quần áo đầm, lúc mới bước chân xuống tầu, trong bụng hăm-hở thế nào, thì bây giờ nhớ đến cái tình vợ chồng, cái tình mẹ con tối tối được xum-họp cùng nhau dưới ngọn đèn, thì ruột lại cũng đau như cắt thế!

Nhưng đã chót đi thì cứ dấn, tôi không nản chí đâu, cậu ạ! Ở Hà-nội, thi chín khoa đã trượt cả, thì sang Tây phen này, ba năm ắt giật được mảnh bằng tú-tài. Cậu sẽ chẳng xấu-hổ mất tiền cho vợ du-học đến nỗi tay trắng về không; tội buồn thực, nhưng buồn bao nhiêu, tôi nhớ cậu bấy nhiêu, tôi nhớ cậu bao nhiêu, tôi lại càng không dám phụ công cậu nuôi cho ăn học.

Thằng chó con, trông ảnh nó, tôi nhớ nó quá, nó có hỏi tôi luôn không? Nó có biết rằng mợ nó đi Tây không? Mấy hôm nay nó có hay quấy không? Cậu nhớ cho nó đi trủng đậu đi nhé. Mẹ tôi ở nhà có buồn không? Nếu cậu thương nhớ tôi, thì nhờ cậu thay tôi, thỉnh thoảng đi lại khuyên-giải cho khuây-khỏa. Viết đến đây, nghĩ đến mẹ già, tôi lại tủi, chẳng may nhà nghèo, đến nỗi bao nhiêu phí-tổn tôi đi Tây học, để phần cậu chịu cả! Tôi thương cậu quá. Thực là một người chịu khó nhọc một mình để kiếm lương nuôi vợ đi du-học như cậu, ít có lắm.

Nhưng cậu cũng nên thương tôi mà đừng chơi-bời gì cả. Lúc nào cậu cũng nên nghĩ đến tôi, thui-thủi quê người, vì thương cậu mà đêm ngày cố công đèn sách. Tôi nói thế chứ chắc chả đời nào cậu lại phụ lòng yêu của tôi nhỉ! Quái sao hôm nay tôi thấy lao-đao thế này, hay là say sóng rồi đây?

À quên, cái hộp phấn của tôi dùng dở để ở bàn, cậu cho mang lại đằng chị Diệp hộ, vì chị ấy xin mà tôi quên đi mất.

Xin chúc cậu và con mạnh khỏe luôn.

Ta

Tuyết-Anh

* * *

A bord du Chantilly, le 1er Janv. 1928

Cậu,

Những thư trước tôi gửi về chắc cậu tiếp được cả rồi. Lá thư thứ nhất và thứ ba, có lẽ cậu xem lấy làm buồn lắm thì phải. Sự đó tôi cũng biết là lỗi, đáng lẽ người đi phải yên-ủi kẻ ở bằng những câu vui-vẻ, chứ tôi lại kể nỗi lòng thương nhớ chồng con, cho cậu phải phiền, thật bây giờ tôi lấy làm hối-hận quá.

Gần tới Marseille rồi, cậu ạ. Từ khi con tầu qua kênh Suez vào địa-phận bể Méditerranée tới nay, tôi thấy phấn-trấn trong lòng lắm. Giời tây bảng-lảng bóng vàng, cái không khí êm-đềm, nhẹ-nhõm, làm cho tôi được thấy như khỏe mạnh hơn. Nhất là từ khi được quen mấy bà người Pháp cùng đi một chuyến, thì những khi nhớ nhà, nói chuyện cũng được khuây buồn. Cho nên tôi càng khuây buồn bao nhiêu, tôi càng nhớ đến cậu bấy nhiêu, chỉ thương cho cậu lúc này, có lẽ đang nằm thừ trên giường mà nghĩ đến vợ, lênh-đênh giữa bể, không biết có bình yên mạnh khỏe không. Nhưng cậu nên yên tâm nhé. Vợ cậu buồn thì vợ cậu được thở than với bạn, được viết thư nói chuyện với cậu, chứ những lúc cậu nhớ vợ cậu, thì cậu than-thở cùng ai? Cậu chỉ ngậm mối sầu trong bụng mà không viết được ra thư, vì thư của cậu dù có gửi ngay, tôi cũng chửa tiếp được! Sự đau lòng mà không tỏ ra được mới thật là nên thương!

Quái tôi lại nói chuyện buồn rồi! Thế nào? Hôm lễ Noël vừa rồi cậu có mua cho con thức gì cho nó chơi hay không? Hôm nay cậu có đi chào tết hay không? Chào những ai? Ở dưới tầu, sáng ngày hành khách cũng tụ-họp để chúc nhau, vui đáo để. Mẹ tôi vẫn được mạnh khỏe đấy chứ? Cậu đã khỏi thực đau mắt chưa? Hỏi thế khí lầm-cầm, ngót một tháng rồi, còn gì mà chả khỏi nhỉ!

Thôi, hôm nào tới Marseille, tôi sẽ đánh giây-thép báo cho cậu biết.

Vợ yêu cậu,

Tuyết-Anh

* * *

Aix-en-Provence, le 7 Janvier 1928

Ban nãy tới Marseille, tôi đã đánh giây-thép về cho cậu biết rồi.

chắc cậu đã tiếp được hơn một tháng nay, mà biết đâu, trong khi cái thư này vượt biển về Hải-phòng nó không gặp cái thư của cậu gởi cho tôi sang Pháp. Thế mà chúng nó không bắt tay nhau, tệ nhỉ ?

Tôi tới Aix mới được độ hơn một giờ đồng-hồ ! Tuy trong người vẫn còn lao-đao như khi ở dưới tầu, nhưng không thể nào ngồi yên mà không thảo vài câu để nói chuyện với cậu biết được.

Ông bà Madron ra tận Marseille đón, cậu ạ. Ông bà ấy vẫn vui-vẻ như xưa, duy ông ấy thì trông khác trước, vì bây giờ cạo trụi cả râu đi rồi. Ông bà ấy nhận ra tôi, chứ giá để kệ, có lẽ tôi không biết ông ấy nữa. Bà ấy có hơi già hơn trước và nói rằng từ ngày về Pháp, thì sự làm ăn nó khí vất-vả hơn ở Hà-nội ta. Thằng Robert nó còn nhớ tôi ! Bây giờ nó lớn lắm, bằng con người ta lên mười ấy ! Ông bà Madron được mấy chai nước mắm của tôi biếu thì mừng rơn, nói rằng từ ngày về Tây, chỉ nhớ nhất là đồ ăn đặc biệt ấy. Ông bà ấy quý lắm, đem cất kỹ vào trong tủ.

À quên, từ Marseille đến Aix, chỉ có 29 km thôi chứ có phải 39 k đâu mà trước cậu cứ cãi mãi. Tôi đi xe điện chứ không đi xe lửa, chỉ độ ngót một giờ thì tới. Hai bên đường phong-cảnh đẹp lắm, nhưng vì tôi mệt, nên chưa quan-sát kỹ, để một thư sau, tôi sẽ tả rõ.

Mai tôi nhờ ông Madron giới thiệu hộ với giáo-sư Bourguignon ; ông Madron bảo rằng sức tôi thì chỉ học tư ông Bourguignon độ đến tháng octobre này thì có thể thi vào lớp 1ère ở Lycée Mignet được.

Kính chúc cậu và thằng chó mạnh khỏe.

Je t'embrasse

Tuyết-Anh

* * *

Aix, le 12 Janvier 1928

Cậu,

Từ nay cậu viết thư cho tôi, thì cứ để về N° 2 phố Emériс David là nhà tôi thuê.

Tôi sở-dĩ phải thuê nhà riêng là vì ở đằng ông bà Madron chật quá, không có chỗ riêng tĩnh để học, mà chính bà Madron lại giữ ý, không muốn để tôi ở đằng ấy. Nhưng thế là tiện lắm. Nhà thuê mất 200f. một tháng, rẻ đấy, vì chủ nhà là người bà con với ông Madron Chỗ ở sinh lắm lại được gần nhà hội-quán của tụi học-sinh An-Nam, số nhà 25. Từ nhà tôi đến nhà ông Bourguignon cũng gần, ông Bourguignon ở đầu phố, giáp ngay Cours Mi abeau; mỗi khi tới đây, thấy xe điện chạy về phía Marseille thì lại nhớ nhà lắm nhất là ở trước cửa nhà trọ, có một cái cây sao mà nó giống cái cây trước cửa nhà ta thế ! Cũng có cái cành cụt trước cậu vẫn bảo như cái nắm tay giơ ra để ục nhau ấy mà !

À, gớm chiều hôm nay, ở Café Leydet gần phố tôi ở có một truyện xảy ra ghê cả người. Có hai người học-sinh ta họ cãi nhau về nghĩa-lý văn bài thế nào thành ra to tiếng. May có anh em vào can mới yên. Học-sinh An-Nam ta cứ chiều tối là hay ngồi đó. Học-sinh người mình ở Aix có độ ngót trăm. Nhiều người học hành xuất-sắc lắm, nhưng lắm bố con nhà giầu thì chỉ chơi bời mà thôi ! Có ít người cũng ở phố David, vì gần hội - quán, lại gần Lycée Mignet đi độ 5, 6 phút thì tới.

Tối mai, bà Madron dủ tôi đi xem Cinéma cách chỗ tôi ở một quãng, tôi đã nhận lời.

Tôi xin thề rằng sẽ hết sức học-hành để khỏi phụ lòng cậu trông cậy, xin cậu yên tâm; ông Bourguignon giỏi khoa văn - chương lắm, nghe ông giảng như nước chảy, mê cả tâm thần !

Chắc vài hôm nữa, tôi sẽ tiếp thư cậu. Ở nhà có việc gì lạ, xin cậu đừng giấu tôi. Ta ; *Tuyết-Anh*

* * *

Aix, le 4 Février 1928

Cậu,

Đọc thư cậu, nước mắt tôi dàn-dụa đầy cả ra giấy ! Trời ơi ! biết thế này, thì tôi chẳng đi Tây cho nó đành !

Thôi cậu ạ, cậu có thương tôi, thì cậu nên nghe tôi, cậu đừng đi làm thêm giờ nữa. Vẫn biết mỗi tối làm vài giờ chẳng là bao, cuối tháng cũng được ba bốn chục bạc phụ cấp; Nhưng cậu cứ cặm cụi quá sức thế, thì đến kiệt lực mà ho lao mất ! Cậu có khoẻ gì bằng ai, tôi tưởng chả nên tham việc quá thế. Thì ra chỉ tại tôi mà đến nỗi một mình cậu vất-vả, cậu làm cho tôi thương cậu đến nỗi ốm mất!

Cậu ơi ! cậu nên tĩnh-dưỡng, nên coi sức khoẻ làm trọng mới được. Lương cậu hiện đã 140$00 mỗi tháng chỉ phải gởi cho tôi có 80$00, còn ăn tiêu ở nhà cũng tiệm đủ rồi, thì thôi, tôi xin cậu, đừng nên quá tham, nhỡ có mang bệnh lại để tôi ân-hận suốt đời, vì con vi trùng ho lao nó có biết nể người tốt bụng đâu ?

Nếu cậu không nghe tôi, thà rằng cậu cho tôi xuất tầu để tôi về còn hơn.

Nhân tiện xin nói để cậu biết, cậu nghĩ vậy mà khuyên tôi như thế cũng là phải. Nhưng tuy tôi là thân gái mình ở nước tự-do, xong xin cậu biết rằng ở đây tự-do thật nhưng là cái tự-do có giáo-dục, chứ không như ở bên ta đâu. Vả lại bao giờ đi ra ngoại-quốc cũng phải giữ sỹ-diện cho nòi giống chứ. Tôi nói quá như thế để cậu yên tâm, chứ nào cậu có ngờ gì tôi đâu. Xin cậu biết cho rằng không phút nào là tôi không nhớ cậu, nhớ con, là hai người thân nhất của đời tôi; trừ những khi mắt để vào quyển sách, thì lúc nào tôi cũng nhìn lên ảnh cậu và ảnh con để ngay trước bàn mà ngắm cho khỏi nhớ.

Ở đây, tháng Février này rét lắm. Sáng hôm nay có mưa tuyết. Chiều đến, ở Cours Mirabeau, trẻ con nắm tuyết ném nhau trông thật vui mắt.

Mưa tuyết xong tiếp luôn mấy trận gió mistral thổi rét thấu xương. Đường phố lội nhơm-nhớp, bẩn quá — À, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe cái lối đỗ ô-tô ở phố chưa nhỉ ? Mới trông lạ mắt, buồn cười lắm. Nó không đỗ theo giọc đường, sát hè phố như bên ta đâu, xe nào cũng đứng ngang đường quay mũi ra ngoài. Bây giờ trông quen, không thấy lạ nữa, mấy hôm đầu, đi xát vào mũi, tưởng hình như nó sắp

seo bẹp mình ! Cậu đã nhận được áo đan chưa, sao không thấy nói trong thư ? Cậu viết cho tôi đi, dài vào nhé ! Nhớ cậu quá !

Tuyết-Anh

***

Aix, le 3 Mai 1928

Cậu,

Khốn nạn thân tôi, sao cái tin đau-đớn của tôi, cậu không báo cho tôi biết bằng giây thép. Đành rằng mẹ tôi chết, dù có biết sớm cũng không làm gì được, nhưng sao cậu ác-nghiệt quá thế, trời ơi !

Cậu ơi ! tôi vô hiếu quá, mà ông trời kia sao khéo lừa dối tôi làm vậy, bắt tôi đi xa rồi đem mẹ tôi đi đâu ?

Ông bà Madron thấy tôi có tin buồn, sang khuyên giải và tiêm cho tôi liều thuốc bổ. Bây giờ tôi không mê-man như lúc mới tiếp tin nữa. Khốn nạn, dù tôi có than khóc hết hơi cũng không sao thấu được đến cửu-tuyền, để yên-ủi linh hồn mẹ. Sao tôi chẳng được chết đi cho rồi !

Nhưng đến trường-hợp này, tôi mới rõ bụng cậu, thực là ít thấy có, mà nhà tôi cũng là đại phúc nên trời kia xui khiến tôi được hầu-hạ cậu; mẹ tôi chẳng may chết đi, có tôi là lớn lại đi vắng, nhưng được cậu ở nhà, lấy tình rể cũng như con mà cáng-đáng lo-lắng cho các việc ma chay, cái ơn trời bể ấy, tôi biết lấy gì đền lại. Tôi chỉ khấn cho cậu sẽ được trông thấy tôi công thành danh toại, một mai về nước, đem tiếng thơm để đền ơn giả nghĩa cậu mà thôi. Nếu kiếp luân-hồi mà có thực, thì tôi xin cả kiếp sau cũng tìm được cậu để được trả nghĩa cho trọn cái ơn này.

Cậu ơi, tôi nói không sao xiết ý được, mà nhất là trong khi tôi gặp cảnh đau-đớn này, thì tôi chỉ biết than-thở, khóc-lóc mà thôi. Còn thằng em bé tôi đây, tôi cũng xin cậu trông nom cho nó được nên người, để tôi yên tâm học tập. Xin cậu vì thương tôi mà thương đến nó, chứ bây giờ thực là tứ cố vô thân, nếu cậu không đoái hoài đến nó, tuì thật là không còn bấu-víu vào đâu được nữa. Khốn-nạn cho tôi, ở vào cái cảnh nghèo! Tôi nghẹn lời, không sao viết được thêm nữa.

À, thư trước viết bằng tiếng tây là ý để cậu biết sức học của tôi bây giờ thế nào, chứ có dám nghĩ như thế đâu, cậu miễn trách cho, cậu đừng chơi-bời gì nhé, nên thương đến tôi.

Vợ khốn-nạn của cậu,

Tuyết-Anh tràm lậy

***

Aix, le 29 Juillet 1929

Cậu,

Thế nào ? Sao cậu không mời docteur cho con, uống thuốc ta tôi tưởng chá ăn thua gì đâu. Nhưng nó cũng mệt soàng thôi đấy chứ ? Đâu tháng này, có kết-quả kỳ thi tú-tài, tôi trông thấy ngươi đỗ, mà lại lo, chẳng biết sang năm, số-phận mình ra sao.

Nhưng ma xem ra tôi học tấn-tới lắm cậu ạ. Cậu cứ yên tâm mà làm ăn. Cái bát họ của chị Tham, cậu nhận như thế cũng phải, thà mua sớm mà trả nợ, còn hơn là để nó dây dưa, rồi đến nẹn phải lo một món to. Cậu cứ chịu khó ăn sẻ để dành, nay mai phúc nhà còn vượng, tôi đỏ ve, thì lúc bấy giờ ta làm giàu !

Nghĩ đến tương-lai thì phấn-trấn trong lòng, mà nghĩ lại riêng mình cậu, tui tôi lạ đau từng khúc ruột, vì tôi mà cậu mang công mắc nợ, một mình lo-lắng năm canh ! nào cho tôi đi học, nào lo-lang ma chay cho mẹ vợ, nào nuôi cho em vợ đã dỗ được nên người.

Độ nay cậu phải đi làm thêm như thế có mệt lắm không? Cậu nên mua thuốc bổ mà uống ; nếu không thì lại dang ống lang rồi ma mua lấy mấy lạng cao ban-long để ăn ; cậu chớ nên coi thường sức khỏe làm vậy.

Năm nay ở bên này nắng lắm, cái nắng khô-khan ở miền Nam này, lắm lúc tôi cũng thấy khó chịu, nhưng vẫn được mạnh khỏe.

Tôi gởi theo đây gói đồ chơi của con, nó mừng rỡ thế nào, cậu cho tôi biet, cái anh cậu mới gởi sang, sao tôi trông gầy thê ? mà mũi con có cái vết gì đau, hay là vết sởn trong ảnh, cậu cho tôi biết ?

Tôi khỏi ốm ngay tối hôm tôi viết thư về cậu. Nếu biết rằng cậu lo, thì tôi chẳng nói cho xong.

Mille baisers

Tuyết-Anh

***

Aix, le 15 Août 1930

Cậu,

Thật là từ ngày tôi bước chân xuống tầu tới nay, tôi tiếp thư nào ở nhà cũng lấy làm buồn-bực ân-hận.

Ai ngờ vừa tháng trước đánh giây thép báo tin đỗ cho cậu biết, thì nay đã tiếp được tin cậu như sét đánh ngang tai.

Thế nào, cậu ho ra làm sao mà có máu thế ? Tôi nói có sai bao giờ đâu. Cậu chả nghe tôi, cậu chả bồ dưỡng sức khỏe, để đến nỗi mang bệnh vào mình. Nếu cậu ho lao, thì thật là cái vô phúc, trăm phần tôi xin chịu cả? Thà rằng tôi chết cho cậu được sung-sướng, còn hơn tôi để cậu phải cáng đáng một mình hết nỗi nọ đến nỗi kia.

Cái ảnh phổi cậu chụp xong cũng cho tôi xem với. Nếu thầy thuốc chiếu điện mà đã nói thế, thì tôi tưởng cậu nên nghỉ việc đi là hơn.

Nhưng làm thế nào? Cậu giồng cây sắp tới ngày ăn quả, đến sang năm, tôi thi nốt phần thứ hai kỳ tú-tài rồi, vậy cậu nghĩ cho tôi thế nào, tôi cũng xin vâng theo.

Ở bên này, ông Madron mấy hôm nay cũng ốm, đến nay bệnh vẫn chưa thấy lui.

Thì ra chung quanh mình tôi chỉ thấy những sự buồn, mà không dù sức để can ngăn nó được. Tôi khổ lắm.

Bệnh-tình cậu hiện nay thế nào, từ nay xin cứ mỗi kỳ tầu, cậu nhớ cho tôi biết. Con thế nào ? vẫn chơi ngoan đấy chứ ? Chuyện gì bí-mật mà tôi hỏi trong ba bức thư luôn, cậu chưa trả lời thế? Đừng chơi-bời gì nhé !

Nay kính thư,

Tuyết Anh

***

Aix, le 4 Septembre 1931

Thưa Cậu,

Tôi bất-đắc-dĩ cầm bút viết bức thư này để tạ tội cùng cậu, xin cậu tha-thứ cho người vợ bạc-bẽo phản-bội này.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

18

Trà-sơn
dịch

— Vậy thì làm sao ?

— Vậy thì nếu tôi bỏ ông ta thì tất nhiên ông ta phải theo ông Bắc-ca ở nơi chín suối, mà ông Bi-ly-bá là người có cái đồn-điền kia tất phải tìm người khác kế nghiệp một lần trót nữa. Tôi muốn đến cứu ông ta, nhưng tôi lại không muốn để cô-nương một mình ở đây.

Nàng sốt-sắng nói :

—Tôn-ông đưa cả tôi đi cũng được.

Chàng mỉm cười và lắc đầu.

Nàng lại nói tiếp :

— Nhưng, tôi thiết tưởng cũng bằng một người đàn ông !

— Không được, dù về phương-diện nào, tôi cũng chỉ muốn cô-nương ở lại đây coi nhà là hơn cả.

— Thì tôn-ông đưa mấy đứa người Ta-hải-ty của tôi đi vậy, chúng bắn thạo, chúng không biết sợ gì hết trừ tên Ôn-ta-mi ra không kể. Nhưng tên này nó không phải sợ người đâu, nó chỉ sợ ma mà thôi.

— Tôi không muốn để cô-nương ở nhà trơ trọi một mình.

Cái chuông lớn đồ hồi, 50 tên mọi ở trong trại chạy ra vừa lầm bầm vừa khiêng xuống thả xuống nước. Bọn phu xuống mọi khi xuống cả xuống ngồi, lại thêm có ba tên người Ta-hải-ty cũng lưng đeo bao đạn, vai vác súng như chàng Xen-đôn vậy.

Khi xuống nhổ sào, chàng Xen-đôn bảo với cô Gian-nê rằng :

— Xin chào cô-nương ở lại, sáng mai tôi sẽ về.

Cô Gian-nê một mình lững thững đi vào phía cửa vườn để về nhà. Cô phải đi qua đám mọi đen ban nãy khiêng xuống ra bể; tuy không cần phải chờ, nhưng hiện còn tụ-họp ở đấy, đương khoa chân khoa tay, nói toàn tiếng thổ-âm, bàn tán về những việc xảy ra ban chiều.

Chúng thấy nàng đến đều rẫn cả ra, nhường chỗ để nàng đi. Khi nàng đi vào giữa bọn chúng, nàng bỗng thấy rật mình ghê sợ, tưởng phen này tính-mạnh mình phó-gửi ở trong tay chúng.

Nếu bây giờ chúng muốn thịt nàng thì thật là dư sức, mà giá quả như thế, thì ai ngăn cấm được chúng! Sau nàng lại nghĩ tên Nô-át đứng cũng không xa chỗ nàng, nếu vạn nhất có điều gì, nàng kêu lên, tất nó sẽ đem người nhà ra cứu. Nghĩ như thế nàng lại tự thấy vững gia.

Song, khi nàng vừa mở cửa vườn ra để đi vào, bỗng có một tên mọi đen ở só tối tiến đến, nàng không biết là ai cả, bèn thét lên rằng :

— Cái chi vậy ? Tên mi là gì ?

Tên mọi đáp :

— Tên tôi là Á-rê-á.

Nàng sực nhớ ngay ra tên này là một đứa trong tụi hai đứa ốm mà nàng đã thuốc thang cho ở nhà thương khi trước, đứa kia thì chết rồi.

Tên mọi lại nói tiếp :

— Tôi đã uống nhiều thuốc lắm.

— Được lắm ! Bởi thế nên người mi bây giờ được khỏe khoắn.

— Tôi muốn thuốc lá, muốn vải cát bá, muốn răng cá voi làm một sâu tràng hạt, muốn cái thắt lưng.

Trong bụng nàng tưởng tên này nói dỡn, nên nàng dương mắt nhìn thẳng vào mặt nó xem trong só tối, nó có cười hay có nhăn nhó gì không. Nhưng trên cái mặt nạ khả-ố của tên mọi, không thấy động dụng một chút nào.

Ngoài cái manh vải chật-hẹp quấn sát ngang lưng, ngoài cái đồi nút chai đeo lủng lẳng ở tai, ngoài cái vòng vỏ hến quấn chung quanh đầu, thứ vỏ hến ở đây vẫn dùng làm tiền, tên Á-rê-á mình trần như rộng. Thân thể nó thì loáng như là bôi dầu ; dưới bóng các ngôi sao, mắt nó lấp lánh như là mắt một con thú rừng vậy.

Những tên mọi đen khac đứng sau lưng nó như một bức tường. Một vai đứa trong bọn chúng nói dỡn với nhau. Còn bao nhiêu đứa khác thì đứng nhìn cô Gian-nê một cách điềm-tĩnh đáng sợ.

Cô Gian-nê hỏi tên mọi :

— Này, tại sao mi muốn nhiều chuyện thế ?

Tên Á-rê-á đáp :

Tôi đã uống thuốc rồi, cô phải trả công tôi.

Cô Gian-nê tự nghĩ.

— Đấy, thật một cái gương tốt của sự biết ơn ! có lẽ chàng Xen-đôn nói đúng chắc ?

Tên Á-rê-á cứ cố ý đợi. Ngoài khơi một con cá nhảy, một làn sóng nhỏ từ xa đưa lại khe khẽ đập vào ven bờ. Một con rơi điềm-nhiên bay thoáng qua đầu cô Gian-nê và tên mọi. Làn gió hắt-hiu thổi qua mặt thiếu-nữ. Đó là làn gió biển vừa bắt đầu thổi lên.

Cô Gian-nê vừa quay lưng lại phía tên mọi để đi vào vườn và bảo nó rằng:

— Mi phải về trại ngay !

Thì tên mọi tiến lên một bước nói rằng:

— Cô phải trả tôi...

Tôi chịu ơn cậu thực là nhiều, cũng mong đến nay công thành danh toại, về để hầu-hạ cậu, giúp đỡ cậu trong lúc ốm đau. Nhưng mà . . . tóc tơ ngắn-ngủi có ngần ấy thôi, cậu cũng cầm bằng như tôi hư mà cậu bỏ tôi từ trước, hoặc duyên đôi ta, giữa đường đứt quãng, thì từ nay xin cậu coi tôi như không có nữa mà thôi.

Sự vợ-chồng ông trời đã định sẵn, có lẽ duyên nợ của cậu với tôi, đã hết từ ba năm trước lúc đưa nhau ở bến tầu Sáu-kho.

Cậu cũng đừng nghĩ, đừng tìm tôi nữa, tôi sẽ ở Nam-kỳ với một người bạn học tôi mới đậu Y-khoa bác-sĩ.

Nay vĩnh quyết,
Tuyết-Anh
Nguyễn-công-Hoan

— Mi là thằng đại ngốc ! Tao không việc gì phải trả công mi.

— Tôi đã uống thuốc rồi ! Tôi muốn được trả công, trả ngay tức thì !

Cô Gian-nê nóng tiết lên tát cho tên Á-rê-á hai cái nên thân. Tên mọi ngã chúi vào phía các anh em nó đứng.

Một tên mọi khác xấn lên nói :

— Tôi cũng muốn được trả công. Cặp mắt nó có vẻ rầu rầu ai oán, cái vẻ rầu rầu ai-oán ấy, cô Gian-nê thường nghiệm thấy ở trong đám loài hầu. Nó thấy cô Gian-nê nhìn nó thì rõ ràng nó ra chiều ngượng-nghịu nhưng nó cũng mím cái cặp môi dầy lại để làm gan.

Cô Gian-nê hỏi :

— Trả công ? Tại làm sao vậy ?

— Tôi là thằng Gô-gu-mi, tên Bao chính là anh ruột tôi đó.

Cô Gian-nê nhớ ngay ra rằng Bao là cái thằng mọi bị chết trong hai đứa ốm độ trước, liền hỏi :

— Được, thế rồi sao ?

— Bao đã uống thuốc, Bao chết, Bao là anh ruột tôi, cô phải trả công tôi, cô phải trả công tôi.

Bố tôi là một tên đại đầu-mục ở bến A-đam, tôi muốn được cô trả công.

Cô Gian-nê cười mà rằng :

— Gô-gu-mi ! Mi chả khác gì thằng Á-rê-á, một thằng đại ngốc. Tao thử hỏi mi : tao cho thuốc tên Bao thì ai trả tao tiền ?

Nói xong nàng bước qua cửa chấn song ở ngoài vườn đi vào, rồi đóng sập cửa lại.

Tên Gô-gu-mi vẫn chưa chịu là mình thất bại. Nó còn xô vào cửa mà la lên một cách hỗn hào rằng :

— Bố ta làm đại đầu-mục. Cô không dám đánh vào đầu ta như tên Á-rê-á. Này ta bảo cho mà biết : cô sợ ta rồi đó !

Cô Gian-nê trong mình như bị cái kim nộ-khí nó kích-thích bèn hỏi lại tên mọi rằng :

— Tao sợ mi ư ?

— Phải sợ chứ ! Không khi nào cô dám đánh ta.

Cô Gian-nê bèn quai ngay cánh tay qua cửa, duỗi thẳng tay tát vào giữa mặt tên mọi. Cái tát mạnh quá làm cho tên mọi choáng váng cả người, suýt nữa ngã lăn ra đất.

Khi tên mọi định-thần lại được rồi, nó nhảy xổ vào hình như muốn phá cửa. Tất cả lũ mọi cũng xô lại cả ngoài hàng rào.

Lúc này là lúc nguy. Cô Gian-nê nhanh trí nghĩ ngay ra rằng không có súng lục ở bên mình. Khẩu súng lục của nàng hiện treo ở trong phòng. Tuy vậy nàng cũng không hoảng sợ vì nàng yên trí rằng tên Nô-át đứng cũng không xa chỗ đó, chỉ chờ mình kêu là nó chạy lại cứu viện ngay.

Bởi thế nàng không kêu cứu. Nàng chỉ huýt còi gọi con chó :

— Sa-tăng ! Sa-tăng !

Nàng cũng biết là con chó bị xích không thể đến được nào.

Song những tên mọi không còn dám lôi thôi gì nữa. Tưởng như con chó đã đến ở đâu sau gót, chúng liền chạy toán loạn, reo hò rầm-rĩ. Còn tên Gô-gu-mi bất đắc dĩ cũng phải chạy theo sau.

Cô Gian-nê vừa bước chân vào nhà vừa cười rũ rượi. Đoạn rồi nàng lại nức nở khóc, bực mình về câu chuyện vừa mới xảy ra. Suốt một đêm nàng không nhắm mắt để thuốc thang săn sóc cho một tên mọi không may nó chết, mà nay thằng em nó lại đến hỏi tiền công như thế đây !

Nàng lẩm bẩm nói :

— Rõ chán chưa ! Đồ lỗ-độn ! Ôi phường bất nhân !

Trăm chiều hồ thẹn nàng tự hỏi :

Chả biết có nên thuật cho chàng Xen-đôn nghe câu chuyện xảy ra không ?

CHƯƠNG THỨ XI

Sáng hôm sau, chàng Xen-đôn ngồi dưới mái hiên thuật cho cô Gian-nê nghe rằng :

— Tóm lại công việc xong xuôi cả. Lúc tôi đến, ông Bưu-xê còn do-dự chưa quyết-đinh nên dùng phương-pháp nào để tiễu-trừ bọn người ở bến A-đam. Ý ông thì ngần-ngại không muốn dùng võ-lực. Tôi thuyết mãi, ông mới chịu phục và bấy giờ ông hành sự tỏ ra một cách rất can-đảm.

« Chúng tôi đem xử-án ngay tên đầu đảng Tê-bá-xê. Tên này là một tên vô-lại già mà khả-ố lắm ! Vì nó chẳng ưa cái trò-đùa tức cười ấy, nên nó phải phục-tùng mạnh-lệnh ngay. Nghĩa là nó chịu đền cho chúng tôi gấp mười số lợn bị giết.

« Sau đó chúng tôi phải mời nó và bọn nó bước ngay lập tức. Tôi xin thú thật là bọn chúng cũng không phải là ít. Chúng có tất cả 60 người đóng trên năm chiếc thuyền độc-mộc lớn. Chúng chỉ rình có cơ-hội là hạ độc-thủ liền. Mười hai đứa trong bọn chúng có cả súng tốt kiểu Sĩ-ni-đe. Những súng này, đáng lẽ ra đã bị-tịch biên đã lâu mấy phải.

— Tại sao tôn-ông không lấy lại những súng ấy ?

Việc cai-trị ở trong quần-đảo còn trọng hình-thức lắm. Nếu tôi mà lấy, tất chúng sẽ đến Tuy-la-gi kêu là tôi cướp của cải của chúng, thành thử tôi sẽ có lỗi.

« Chúng đã lại bơi ra khơi cả rồi. chúng bơi được chừng 2 hải-lý thì chúng đỗ thuyền lại để ăn uống. Khi tôi quay lưng chắc rồi chúng sẽ lên thuyền đi sau tôi, mà quyết chỉ trong hôm nay chúng sẽ đến đây, xem bộ chúng tức tôi lắm. »

Quả nhiên cách hai giờ sau, đoàn chiến-thuyền kia nghiễm nhiên đến thả-neo ở Bế-rang-đệ.

Bọn phu trong đồn điền làm xong buổi sáng đã về trại cả. Những thằng ở của chàng Xen-đôn thì đang bận nấu ăn ở dưới bếp. Con Sa-tăng nằm quèo ở dưới gầm cái bàn bi-da, thỉnh thoảng lại lấy chân sua ruồi. Cô Gian-nê thì ở dưới kho. Chàng Xen-đôn thì nằm ngủ trên cái võng ngoài hiên.

Bên ngoài, chiếc tầu Phi-lý-be chiếu bóng xuống mặt nước biển loáng như gương lạng như tờ. Chiếc tầu vẫn bỏ neo không nhúc-nhích, hình như cũng bi bẹp ở dưới cái ánh nắng ban trưa. Những tên người Ta-hải-ty thì đáp xuống đi ngược giải sông Bá-lê-suy-mã để bắn cá từ lúc

rạng đông. Trong không tuyệt nhiên chẳng có một tý gió nào.

Chàng Xen-đôn đang mơ màng, dở thức dở ngủ, vẳng nghe có tiếng ồn-ào như là một thứ tiếng báo hiệu ngầm đưa đến, chàng sực tỉnh dậy.

Chàng vẫn nằm yên trên võng không nhúc nhích, chàng mở mắt ra, thấy ở khu đất dưới chỗ mình nằm, đầy những mọi đen có đeo khí giới. Đó là bọn người ở bến A-đam mà chàng vừa từ biệt lúc ban sáng.

Bọn đó lại có thêm 15 tên phu mới giấy loạn ở Sang-Xích-tô-ba, chắc tụi này theo đường biển đến với nhập bọn kia

Chàng Xen-đôn ở trên võng tuồn xuống, đi lại gần cái bao-lơn. Tới đó, chàng ngáp một cái dài, rồi phóng tầm con mắt nhìn xuống bọn người đang chen chúc ầm-ĩ.

Chàng nghĩ bụng cái số-mệnh của chàng là phải luôn-luôn đối-phó với những cuộc phiến-loạn xảy ra ở cái đất nay, hết dùng cách ngọt-ngào lại dùng cách đe dọa.

Cặp mắt chàng làm ra bộ thản-nhiên không sợ, kỳ thực chàng vẫn phải để ý nhìn xem bọn mọi đen chúng giở trò gì. Ngoài những khẩu súng kiểu Sĩ-ni-đe ra, chúng lại có thêm một vài khẩu súng cũ, còn thì chúng dùng dáo, mác, thiết-lĩnh, cung tên, quắm, mỏ diều dài cán.

Đằng sau bọn mọi, chàng thấy 5 chiếc thuyền độc mộc lớn, có chạm vẽ những hình kỳ quặc và trang điểm những vòng hoa chắp bằng sà cừ.

Chàng khoa cánh tay hỏi chúng:

— Tại sao bay dám lảng-vảng đến chỗ này?

Thấy không có ai đáp, chàng lại hỏi tiếp, nhưng lần này cái giọng kém ngọt-ngào.

Những tên mọi đen, hình như trong bụng có ý chột sợ, tự-nhiên thấy xuần-động như một đàn thú vậy. Song, vẫn không ai nói một tiếng nào. Chúng chằm mắt nhìn chàng. Mọi người trong tụi đương chờ đợi cái việc sắp xảy ra. Nhưng, nào ai là người cử-động trước nhất? Nào ai là kẻ cầm chịch cho công việc hành-động chung?

Ấy chính cái đứa ấy, chàng Xen-đôn đương tìm trong đám đông người kia. Vì chỉ cái đứa ấy mới là đứa đáng sợ.

Bỗng chàng nhìn thấy ở ngay trước mắt, vì miệng một khẩu súng ở trong đám đông người thò dần lên và từ từ chĩa về phía chàng đứng.

Chàng chỉ ngón tay vào khẩu súng đột-ngột hỏi:

— Mi đem súng đến đây để làm gì?

Tên kia rật mình hạ súng xuống. Chàng quát lên rằng:

— Tất cả chúng bay phải a khỏi chốn này! Chúng bay phải lui cả ra thuyền và lui cả về chỗ nước nặng! Có hiểu không?

Một tên mọi đen người mập và bẩn thỉu, trước ngực tòng lá, hình như phải một lần cáu ghét hàng năm chưa tắm rửa, lên tiếng nói rằng:

— Tôi muốn nói chuyện...

Chàng Xen-đôn ra giọng vui vẻ đáp:

— Này, Tê-bá-xê, mi đấy ư? Mi bảo người của mi đi đi, rồi mi sẽ nói chuyện với ta.

Tên mọi nói:

— Những người này tử-tế cả. Chúng cứ ở đây cũng được.

Chàng Xen-đôn ra bộ vô-tình, cố giảng sức giấu cái chỗ kém của mình về sự nhượng bộ cưỡng bách ấy, liền hỏi:

— Được rồi! Mi có điều gì nói với ta?

Tên đầu-mục già chỉ vào tên Gô-gu-mi mà nói rằng:

— Tên này là người của tôi.

Chàng Xen-đôn nhận ngay ra, liền hỏi:

— Thế làm sao?

Tên Tê-bá-xô nói tiếp:

— Thế mà vợ ông dữ tợn quá. Bà ấy đánh vào đầu tên Gô-gu-mi, cái đó không tốt. Thằng Gô-gu-mi là con một vị đại đầu-mục, khi nào tôi chết, nó sẽ được lên làm đầu-mục thay chân tôi. Vì vợ ông đánh vào đầu nó, ông phải đền tôi nhiều thuốc lá, nhiều thuốc súng, nhiều vải cát bá.

Chàng Xen-đôn cười và nói:

— Thật là một lão già khôn nạn!

Một giờ trước nghe cô Gian-nê thuật chuyện cái tát cô tặng tên Gô-gu-mi, chàng đã cười đau cả ruột, đến bây giờ tên Tê-bá-xê lại đến để bắt đền! chàng thét lên rằng:

— Gô-gu-mi! cái địa-vị mi không phải là ở đâu đây! Cái địa-vị mi là ở trong trại. Mi phải séo, séo ngay lập tức!

Tên mọi bị tát kia nói:

— Không, tôi cứ ở lại đây!

Tên Tê-bá-xê nói:

— Vợ ông đã đánh vào đầu nó. Này tôi bảo cho mà biết, nếu ông không đền, rồi đây còn nhiều sự rắc-rối.

Lúc ấy chàng Xe-đôn nghe có tiếng sàn nhà khẽ kẹt, biết rằng cô Gian-nê đi lại chỗ đằng sau lưng mình. Nhưng chàng không quay cổ lại, vì có nhiều súng ở bên dưới chĩa vào mặt, dự-bị sẵn sàng chỉ chực bắn ra. Cái sàn nhà ở đằng sau chàng lại kẹt lần nữa. Chàng biết là cô Gian-nê đi, rồi lại có tiếng kẹt khác báo cho chàng biết là nàng lại trở lại. Nàng đến ngồi ngay bên cạnh chàng và chàng thấy mồm nàng ngậm điếu thuốc lá đang cháy. Chàng lấy làm lạ quá, vì xưa nay nàng không quen hút thuốc lá, và lúc nay cũng không phải là lúc hút thuốc.

(Còn nữa)

Mục-lục

— Ta nên hiểu nghĩa chữ đạo-đức mới.
— Đọc bài « bất-điều-đình » của ông Phan-Khôi.
— Esperanto.
— Y-học : Phục-linh.
— Đảng Xa-hội Lao-động trong nghị-viện Pháp.
— Thi-đàn-giảng-tập.
— Văn đan.
— Phụ-nữ đối với công việc xã-hội.
— Anh Còng và anh Mù.
— Pháp-luật dẫn-giải.
— Thế là mợ nó đi Tây.
— Đâu có lạ-lùng — 18

Một cuốn sách *thiết-thực* có ích-lợi vừa xuất bản do Nhà-Nước thông-dụng:

LUẬT TRƯỚC-BẠ MỚI

Thể-lệ đương thi-hành thuế trước-bạ, tem, ốp-bộ và Địa-bộ, có thí-dụ dẫn-giải rõ ràng

ĐÔNG-MAI

NGUYỄN-QUANG-THAI

s oạn

Sách này sau khi quan Chánh Trước-Bạ Đông-Pháp và quan Chánh Địa-Bộ Đông-Pháp xem qua rồi, Toà Trước-Bạ Trung-Ương lại kiểm-duyệt cẩn-thận

Công-văn số 4.117-E, gửi ngày 27 Septembre 1930,

Quan Giám-Đốc Tài Chính Đông-Pháp có giới thiệu với:

Quan THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Quan KHÂM-SỨ TRUNG-KỲ,

Quan THỐNG-SỨ BẮC-KỲ.

nên mua quyển này cho các chức-dịch chốn hương-thôn thông-dụng, vì là một quyển sách thiết-thực rất có ích-lợi cho nhân-dân.

Sách giầy 90 trang **Giá 0$60**

Có gởi bán ở các hiệu sách lớn các nơi.

Ở xa nếu muốn viết thơ thẳng về bản-quán mua, mỗi cuốn xin gởi thêm 0$20 tiền cước.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hợp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngộ nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Trường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘沱書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ



Đã có bán :

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (loại Tiểu-thuyết). Giá . . . 0,20
3. — **Khối-tình con thứ ba** (Thơ ca). Giá . . . 0,25

Đã đương in :

4. — **Giấc mộng con thứ hai. . . . .**

(Quyển này viết tại Saigon, xin chớ nhận lầm với quyển *Giấc mộng con thứ nhất* và Giấc mộng lớn).

Từ 1er Juin này trở đi; các Ngài mua buôn và mua lẻ các sách của Bản-cục in ra trong năm 1932, từ *Thanh-hóa* trở vô tới *Nam-kỳ*, và *Ai-lao*, *Cao-mên*, xin viết thư về hỏi tại :

M. Vương-đình-Châu

Directeur de l'Imprimerie du Nord-Annam. — Vinh.

Nguyễn-khắc-Hiếu

kính-cáo.

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh tróng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiệu **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-trượng, thấn-dư rất lịch-sự vững chãi, đề dùng trong việc hiếu cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự đủi do ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin có đủ các thứ [illegible] kiểu đẹp giá rất phi chăng, chắc được các ngài vừa ý.

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không dám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đất vân vân.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thơ chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê

Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

L'Administrateur Gerant : Ngô-Thúc-ĐỊCH

Imp. Spéciale de l'An-Nam Tạp-Chí